

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Phân loại, đóng gói vận chuyển hàng hoá, trang thiết bị của ĐCB4 sang Phái bộ UNISFA

Tên dự án/dự toán mua sắm: Bảo đảm phân loại, đóng gói, vận chuyển hàng hóa, trang thiết bị của ĐCB4 đến phái bộ GGHB LHQ tại Khu vực Abyei.

Chủ đầu tư: Cục Giữ gìn hòa bình Việt Nam

2. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

Phân loại, đóng gói vận chuyển hàng hoá, trang thiết bị của ĐCB4 sang Phái bộ UNISFA, chi tiết tại mục 3 chương V.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

Cung cấp dịch vụ Phân loại, đóng gói vận chuyển hàng hoá, trang thiết bị theo quy định của pháp luật Việt Nam và Pháp luật nước sở tại tiếp nhận hàng hóa.

a) Yêu cầu chung:

Đảm bảo thực hiện việc phân loại đóng gói đúng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Phân loại, liệt kê, đóng gói hàng hoá nguy hiểm đúng theo quy định.

Được phép vận chuyển theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Việc bốc xếp, nâng hạ, bảo quản và vận chuyển đảm bảo tuân thủ quy định về tiêu chuẩn vận chuyển đường bộ, đường biển. Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm đúng theo quy định.

Sử dụng dịch vụ của các hãng vận chuyển có kinh nghiệm và uy tín trong lĩnh vực vận tải để chở hàng hóa.

Tuân thủ đúng hành trình, thời gian theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Các nhân sự chủ chốt tham gia phân loại, đóng gói hàng hóa phải có chứng chỉ hàng hóa nguy hiểm.

Có cam kết hoặc hợp đồng thỏa thuận với đối tác khu vực nhận hàng tại các khu vực nước sở tại theo lịch trình di chuyển.

Có giấy phép nhập khẩu hàng hóa cần đóng gói, vận chuyển vào Nam Xu-đăng.

b) Danh mục, Khối lượng hàng hóa cần phân loại đóng gói cụ thể như sau:

ST T	Danh mục hàng hóa, vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Băng đeo kiểm soát quân sự	Cái	20	
2	Găng tay trắng (nghi lễ)	Đôi	200	
3	Gậy nhựa KSQS	Cái	30	
4	Sơn tổng hợp	Kg	50	
5	Chổi quét sơn các cỡ	Cái	30	
6	Đèn pin sạc điện	Cái	10	
7	Cartridge máy in laser A4 -246DW	Cái	10	
8	Catridge CF276A (HP 404dn)	Chiếc	10	

9	Cartridge máy in Canon LBP2900	Cái	10	
10	Cartridge máy in Canon 8100	Cái	10	
11	Bộ màu mực máy in Epson 6 màu	Bộ	20	
12	Mực máy in đen trắng A3 HP706N	Hộp	10	
13	Mực 4 màu in bạt (4 màu/1 bộ)	Bộ	5	
14	Bút bi Thiên Long TL-05 mực đen	Chiếc	300	
15	Bút bi Thiên Long TL-05 mực đỏ	Chiếc	300	
16	Bút bi Thiên Long TL-05 mực xanh	Chiếc	300	
17	Bút mực nước Lin C	Chiếc	100	
18	Bút viết bảng mica mực đen	Chiếc	50	
19	Bút viết bảng mica mực đỏ	Chiếc	50	
20	Bút ký 0,7MM Pentel	Chiếc	40	
21	Bút xóa Thiên Long	Chiếc	40	
22	Vở học tập 5 quyển/người - Campus 80Trang	Quyển	300	
23	Sổ học tập - 120 Trang A4	Quyển	200	
24	Sổ C.tác (giao ban);	Quyển	30	
25	Ghim dập bấm tay plus 10 (20 hộp nhỏ/1 hộp to)	Hộp	10	
26	Ghim dập cỡ 23/6	Hộp	10	
27	Ghim dập cỡ 23/8	Hộp	10	
28	Ghim dập cỡ 23/10	Hộp	10	
29	Ghim dập cỡ 23/13	Hộp	10	
30	Ghim dập cỡ 23/20	Hộp	10	
31	Ghim dập cỡ 23/23	Hộp	40	
32	Pin tiểu Energizer AA2 (loại sạc)	Đôi	50	
33	Pin đũa Energizer AAA2 (loại sạc)	Đôi	50	
34	Đế sạc Pin tiểu + đũa Energizer AAA2 và AA2.	Bộ	10	
35	Cặp giả da cán bộ	Cái	30	

36	Clear A4 Trung (túi 1 khay)	Chiếc	200	
37	Cặp trình ký da 2 mặt	Chiếc	5	
38	Hồ dán Thiên Long G-08, 30ml	Lọ	30	
39	Bìa A4 màu hồng T&T	Ram	5	
40	Bìa A4 màu xanh T&T	Ram	5	
41	Bìa A4 màu vàng T&T	Ram	5	
42	Giấy in A0 ĐL 100 (1 cuộn = 80kg)	Kg	80	
43	Giấy in Double A4 ĐL 70	Ram	50	
44	Giấy in Double A3 ĐL 70	Ram	20	
45	Giấy in ảnh, A4 ĐL 140	Xấp	10	
46	Băng dính trắng 50mm	Cuộn	50	
47	Băng dính xanh lục dán gáy khổ nhỏ 3f mỏng	Cuộn	10	
48	Băng dính xanh lục dán gáy khổ rộng 5f mỏng	Cuộn	10	
49	Băng dính xanh lục dán gáy khổ rộng 7f mỏng	Cuộn	10	
50	Băng dính 2 mặt 2.5f	Cuộn	30	
51	Dao dọc giấy nhỏ	Chiếc	30	
52	Dao dọc giấy to	Chiếc	30	
53	Kẹp bướm đen 15mm	Hộp	50	
54	Kẹp bướm đen 25mm	Hộp	50	
55	Kẹp bướm đen 41mm	Hộp	50	
56	Băng keo dán gáy (trắng)	Cuộn	30	
57	Kéo (210mm)	Chiếc	20	
58	Đất sét dính tường Stick – tack (blue tack);	Cuộn	100	
59	Băng dính dán vạch sân TT	Cuộn	30	
60	Thước dây 20 hoặc 50m	Cái	10	
61	Cờ (để bàn chỉ huy Đội). Cờ lụa, đế gang, cán Inox.	Bộ	5	

62	Quần cán vợt cầu lông	Cái	100	
63	Băng dính khung vợt cầu lông chống đứt cước	Cái	50	
64	Quả cầu lông Thành Công 77	Hộp/12 quả	200	
65	Bảng lật số phát sáng (phản quang)	Cái	2	
66	Quả bóng đá động lực UHV 2.05	Quả	20	
67	Lưới bóng đá sân nhỏ: S12701W	Bộ	1	
68	Áo tập màu xanh nước biển	Cái	40	
69	Áo tập màu cam	Cái	40	
70	Áo tập màu xanh nõn chuối	Cái	40	
71	Áo tập màu vàng	Cái	40	
72	Áo tập màu đỏ	Cái	40	
73	Giày thể thao dùng cho môn cầu lông, bóng chuyền, bóng bàn: (Cỡ 37 = 6; 38 = 9; 39 = 22; 40 = 53; 41 = 64; 42 = 36; 43 = 12; 44 = 6; 45 = 2 đôi).	Đôi	190	
74	Giày bóng đá đinh Thăng Long (Cỡ 37 = 6; 38 = 9; 39 = 22; 40 = 53; 41 = 64; 42 = 36; 43 = 12; 44 = 6; 45 = 2 đôi).	Đôi	190	
75	Găng tay tập xà, tạ	Đôi	50	
76	Còi nhựa thể thao	Cái	20	
77	Dây kháng lực chân, tay	Bộ	50	
78	Quần áo gió thể thao dài tay in chữ cờ VN, (Cỡ M = 38; L = 51; S = 8; XL = 85; XXL = 28 bộ).	Bộ	210	
79	UPS 10KVA	Bộ	2	
80	UPS 2KVA	Bộ	10	
81	Phần mềm diệt Virus	Gói	1	
82	Gói thuê bao tài khoản truyền hình trực tuyến Microsoft Team	Gói	1	
83	Phần mềm AutoCAD	Gói	1	
84	Kim bấm mạng	Cái	5	
85	Quạt tản nhiệt	Cái	10	

86	Mainboard	Cái	6	
87	Ram 8G DDR4	Cái	10	
88	Pin CMOS	Cái	50	
89	Nguồn PC	Cái	10	
90	Combo phím + chuột Logitech	Bộ	20	
91	Nguồn máy tính HP -dv0510TU	Bộ	15	
92	Kìm cắt cáp điện Asaki	Cái	2	
93	Máy thổi bụi sò	Cái	2	
94	Camera IP	Chiếc	10	
95	Ổ cắm Lioa dây kéo dài	Cái	20	
96	Ổn áp Lioa 5KVA	Cái	5	
97	Ổn áp Lioa 10KVA	Cái	2	
98	Cụm trống máy Photo Fuji Xerox Apeosport 2560	Cái	6	
99	Cụm sấy máy Photo Fuji Xerox Apeosport 2560	Cái	6	
100	Hộp mực máy Photo Fuji Xerox Apeosport 2560	Hộp	10	
101	Máy scan	Cái	3	
102	Bộ camera, mic đa hướng phục vụ họp trực tuyến	Bộ	1	
103	Camera hành trình gắn mũ Đồng bộ phụ kiện và pin dự phòng 1+1	Chiếc	15	
104	Camera hành trình gắn xe	Chiếc	30	
105	Cước điện thoại vệ tinh	Gói	10	
106	Thẻ nhớ Sandisk Utra 128Gb (Nhỏ)	Chiếc	10	
107	Giấy Decal các loại (cắt chữ)	Mét	600	
108	Băng zôn khẩu hiệu (10 mét/1 băng)	Mét	100	
109	Cờ dây Đảng + Tổ Quốc (1 dây 10 mét)	Dây	100	

110	Giấy màu các loại (1 tập 12 màu)	Tập	200	
111	Sổ ghi biên bản của các tổ chức	Quyển	30	
112	Sổ ghi chép của cán bộ, nhân viên	Quyển	200	
113	Vở học tập chính trị	Quyển	200	
114	Pin sạc Energizer RECHARGE AA2	Đôi	100	
115	Pin sạc Energizer RECHARGE AAA2	Đôi	100	
116	Máy sạc pin Energizer đồng bộ (sạc AA và AAA)	Bộ	04	
117	Đèn Led dây trang trí nhiều màu ngoài trời (đồng bộ cả nguồn)	Cuộn	20	
118	Đèn nháy trang trí nhiều màu	Bộ	50	
119	Đèn cầu xoay	Cái	20	
120	Đèn hắt	Cái	21	
121	Chủ tịch Hồ Chí Minh với Hà Nội (PRESIDENT HO CHI MINH with Ha Noi)	Quyển	100	
122	Đại tướng Võ Nguyên Giáp (General Vo Nguyen Giap)	Quyển	150	
123	Tượng chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng đồng	Pho	50	
124	Tượng chân dung Đại tướng Võ Nguyên Giáp bằng đồng	Pho	50	
125	Cốc sứ in hình cờ Tổ quốc (in 1 vị trí)	Cái	300	
126	Tranh phong cảnh Việt Nam (sơn dầu)	Chiếc	100	
127	Tranh phong cảnh Việt Nam (sơn dầu)	Chiếc	100	
128	Túi vải đựng quà 25x35cm in cờ Việt Nam	Chiếc	500	
129	Túi giấy đựng quà 25x35cm in cờ Việt Nam	Chiếc	500	
130	Phong bì trắng in cờ Việt Nam	Chiếc	500	
131	Phong bì in logo Đảng Cộng sản	Chiếc	300	
132	Quân phục SQ K08 LQ	Bộ	203	
133	Quân phục DC SQ GGHB K17	Bộ	609	
134	Mũ bê-rê xanh GGHB LHQ	Cái	406	
135	Ghệt dã chiến SQ, QNCN K20	Đôi	406	
136	Mũ tai bèo GGHB	Cái	203	
137	Giày vải	Đôi	406	
138	Bít tất	Đôi	812	
139	Áo ấm sĩ quan K20	Cái	203	
140	Dây lưng dẹt	Cái	203	
141	Phù cấp hiệu kết hợp	Đôi	406	

142	Quân hiệu LHQ	Cái	406	
143	Dây lưng to dã chiến	Cái	203	
144	Màn chụp	Cái	203	
145	Túi ngủ	Cái	203	
146	Lều ngủ	Cái	203	
147	Ba lô khăn cấp GGHB	Cái	203	
148	Ủng nhựa K17	Đôi	203	
149	Ba lô dã chiến	Cái	203	
150	Quần áo mưa K08	Bộ	203	
151	Áo lót dệt kim trắng K13	Cái	728	
152	Quần lót nam	Cái	728	
153	Đồ lót nữ	Suất	21	
154	Khăn mặt bông k17	Cái	812	
155	Găng tay bạt	Đôi	812	
156	Ruột chăn sơ pốp loại 2 Kg + túi	Cái	203	
157	Vỏ chăn K20	Cái	203	
158	Kính chắn bụi	Cái	203	
159	Áo phao cứu hộ	Cái	102	
160	Bi đông 1 lít + ca bi đông	Cái	51	
161	Bao bi đông 1 lít	Cái	51	
162	Chăn đa dụng	Cái	102	
163	Đệm nằm K11 loại 1	Cái	51	
164	Ga đệm nằm K11	Cái	203	
165	Va li	Cái	203	
166	Dụng cụ cá nhân (Bộ dao đa năng)	Bộ	40	
167	Xi đánh giày	Cái	812	
168	Bộ dụng cụ sinh tồn	Bộ	203	
169	Màn tuyen	Cái	203	
170	Chiếu cói	Cái	203	
171	Gối hơi	Cái	203	
172	Khăn tắm (3 cái/người)	Cái	609	
173	Biển nhóm máu	Cái	609	
174	Mũ tai bèo rộng vành che nắng, che mặt (màu rắn ri)	Cái	406	
175	Khăn quàng cổ	Cái	406	
176	Khăn trùm đầu chống nắng, chống bụi, thấm hút mồ hôi	Cái	406	
177	Găng tay hở ngón có gù bảo vệ	Đôi	203	
178	Bọc gối, có gù cứng bảo vệ	Đôi	203	

179	Bọc khuỷu tay, có gù cứng bảo vệ	Đôi	203	
180	Túi đeo đùi	Cái	203	
181	Túi lưới giặt	Cái	406	
182	Búi tóc nữ	Cái	63	
183	Kẹp tóc nữ	Cái	63	
184	Găng tay chống nắng cho nữ	Đôi	63	
185	Dép nhựa	Đôi	203	
186	Ô rút nhỏ cầm tay	Chiếc	184	
187	Bộ đồ cắt móng tay	Bộ	203	
188	Quần áo nuôi quân	Bộ	50	
189	Tạp dề + mũ nuôi quân	Bộ	50	
190	Găng tay cao su (nuôi quân)	Đôi	100	
191	Găng tay vải giầy (nuôi quân)	Đôi	100	
192	Găng tay nilon chia thức ăn	Đôi	10.000	
193	Ủng nhựa K17	Đôi	50	
194	Lương khô (5 Kg/người)	Kg	920	
195	Khẩu phần ăn chế biến sẵn	Suất	1.288	
196	Bàn chải đánh răng	Cái	812	
197	Kem đánh răng 160g	Hộp	812	
198	Đèn pin sạc điện	Cái	203	
199	Dầu gội đầu	Lít	244	
200	Bàn cạo râu	Bộ	2.436	
201	Bộ kim chỉ khâu	Bộ	203	
202	Bật lửa	Cái	812	
203	Bột giặt	Kg	1.218	
204	Xà phòng tắm	Bánh	2.436	
205	Nước giặt xả, loại can 5 lít	Túi	135	
206	Sữa tắm dùng cho nam, loại chai 1 lít	Lít	1.218	
207	Các loại hạt giống rau, cây trồng (<i>Rau cải canh, cải ngồng, cải ngọt, cải cay, rau dền, bí đỏ, bí xanh, đu đủ, rau muống, mồng tơi, rau ngót, bí đao, cà tím, cà bát, tỏi, ớt, hành lá, gừng, nghệ, sả, răm, ngò, thì là...</i>)	Kg	203	
208	Phân NPK	Kg	609	
209	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	1.015	
210	Cuốc xẻng	Cái	40	
211	Bàn ăn inox chân gấp	Chiếc	5	
212	Ghế ngồi ăn chân gấp	Chiếc	50	
213	Bát ăn cơm	Cái	406	

214	Đũa ăn cơm	Đôi	600	
215	Đĩa sứ 25	Chiếc	100	
216	Đĩa sứ 15	Chiếc	100	
217	Đĩa sứ 30	Chiếc	100	
218	Đĩa bầu dục	Chiếc	70	
219	Bát tô nhỏ	Chiếc	100	
220	Tô canh sứ + nắp đậy	Cái	50	
221	Muôi cơm, canh Inox	Cái	35	
222	Thìa Inox	Cái	35	
223	Dao chặt (dao tông)	Chiếc	8	
224	Dao bầu	Chiếc	10	
225	Dao thái	Chiếc	20	
226	Bàn nạo	Chiếc	30	
227	Bộ dao tia hoa	Bộ	10	
228	Đá mài dao	Cái	10	
229	Khay làm đá	Chiếc	20	
230	Bơm nước cho máy lọc nước RO	Bộ	50	
231	Van cấp nước đầu vào máy lọc nước RO	Bộ	50	
232	Cục chuyển đổi nguồn máy lọc nước RO	Bộ	50	
233	Lõi lọc máy lọc nước RO một bộ có 03 lõi	Bộ	96	
234	Màng lưới lọc máy ly tâm sản xuất đậu phụ	Cái	10	
235	Kéo cắt thực phẩm	Chiếc	20	
236	Thớt nhựa	Cái	10	
237	Vỉ nướng + xiên nướng thịt	Cái	10	
238	Bộ 6 Ly 350ml	Bộ	10	
239	Bộ 6 Cốc sứ loại 350ml	Bộ	10	
240	Cốc dùng 1 lần (50c/túi)	Túi	50	
241	Đĩa giấy dùng 1 lần (10c/túi)	Túi	50	
242	Thìa dùng 1 lần (50c/túi)	Túi	50	
243	Giấy ăn	Bịch	2.436	
244	Tăm	Gói	2.030	
245	Dầu rửa chén bát (can 5 lít)	Can	150	
246	Nước xịt phòng	Lọ	300	
247	Nước lau kính 800ml	Lọ	100	
248	Đậu tương (làm đậu)	Kg	300	
249	Đỗ xanh	Kg	100	

250	Giống hoa (<i>hồng leo, nhài, giấy, hoa mười giờ, mẫu đơn, nhài, móng cạp, tử đằng...</i>)	Kg	10	
251	Túi nilon trồng cây	Túi	500	
252	Thuốc trừ sâu thân thiện với môi trường	Kg	50	
253	Gạo tẻ (7 ngày)	Kg	1.000	
254	Vùng, lạc (7 ngày)	Kg	43	
255	Mì chính (7 ngày)	Kg	14	
256	Bột canh (7 ngày)	Kg	71	
257	Gạo nếp	Kg	500	
258	Nước cốt dừa	Hộp	406	
259	Bột cà ri	Kg	20	
260	Bột củm tím	kg	20	
261	Bột đậu biếc	kg	20	
262	Bột lá nếp	kg	20	
263	Bột cà rốt	kg	10	
264	Bột bí đỏ	kg	10	
265	Bột gác	kg	10	
266	Bột bắp	Kg	10	
267	Bột nở	Kg	20	
268	Bột năng	Kg	10	
269	Bột đao	Kg	10	
270	Bột chiêm xù	Kg	40	
271	Bột nếp	kg	20	
272	Hương vani	Hộp	25	
273	Đỗ đen	Kg	150	
274	Lạc nhân	kg	550	
275	Dừa khô	kg	50	
276	Tôm chay 500g	Gói	200	
277	Mề chay 500g	Gói	200	
278	Phồng tôm 1kg	Gói	50	
279	Nấm hương	Kg	30	
280	Mộc nhĩ	Kg	30	
281	Măng khô	kg	50	
282	Bánh phở khô	Kg	550	
283	Bún khô	Kg	550	
284	Bánh đa nem	Tệp	1.100	
285	Mỳ chũ	Kg	550	
286	Miến dong	Kg	550	

287	Cá com khô	kg	30	
288	Moi khô	kg	30	
289	Xả khô	Kg	30	
290	Hạt tiêu đen	Kg	20	
291	Hạt dổi	Kg	5	
292	Hạt mắc khén	Kg	5	
293	Hôi	kg	5	
294	Quế	kg	5	
295	Thảo quả	kg	5	
296	Ngũ vị hương 500g/gói	gói	50	
297	Bột tôm dầy	kg	20	
298	Gói gia vị thịt nướng barona (20 gói/hộp)	kg	20	
299	Gói gia vị kho cá barona (20 gói/hộp)	kg	20	
300	Bột canh lốt	kg	200	
301	Mì chính	kg	100	
302	Hạt nêm	Kg	150	
303	Mù tạt	Kg	10	
304	Men khô làm bánh	Kg	30	
305	Sa tế sò điệp (loại 250g)	Lọ	200	
306	Gói hầm thuốc bắc	gói	330	
307	Gói gia vị lẩu thái barona 180g	Gói	400	
308	Mắm tôm khô	Kg	100	
309	Mè (loại 500 ml)	chai	50	
310	Nước mắm (loại ướp thực phẩm nấu)	Lít	100	
311	Nước mắm (loại pha nước chấm)	Lít	100	
312	Nước tương	Lít	200	
313	Xì dầu 200 ml	Chai	200	
314	Tương ớt (loại 01 kg)	Chai	35	
315	Tương cà (loại 0,5 kg)	Chai	30	
316	Tương bần (loại 500 ml)	chai	500	
317	Cây treo quần áo (inox)	Cái	20	
318	Móc treo gắn tường	Cái	20	
319	Móc quần áo	Cái	1000	
320	Cuộn lót sàn	m2	50	
321	Thép I100x55x4,5mm	Cây	100	
322	Thép V63x63x4,5mm (dài 6m)	Cây	300	
323	Thép hộp 30x60x1,4mm (dài 6m)	Cây	170	
324	Cọc thép V50 (dài 3m)	Cọc	100	
325	Thép hộp 20x20x1,4mm (dài 6m)	Cây	200	

326	Thép hộp 40x80x1,4mm (dài 6m)	Cây	200	
327	Thép V50x4 (dài 6m)	Cây	200	
328	Thép V30x3 (dài 6m)	Cây	200	
329	Vít bản tôn 7 cm	Kg	30	
330	Vít bản tôn 10 cm	Kg	30	
331	Ống nhựa HDPE D20	m	100	
332	ống nhựa HDPE D25	m	100	
333	Ống nhựa HDPE D32	m	100	
334	Ống nhựa HDPE D40	m	100	
335	Dây nước mềm d20	cuộn	10	
336	Dây nước mềm d27	Cuộn	10	
337	Bao nilon đựng rác loại KT 15l	Kg	20	
338	Chổi tre cán dài	Cái	50	
339	Chổi nhựa (cước)	Cái	50	
340	Chổi chít	Cây	50	
341	Hót rác kim loại	Cái	20	
342	Cây lau nhà + thùng	Bộ	20	
343	Cọ trà nhà vệ sinh	Cái	20	
344	Nước lau sàn	Chai	100	
345	Nước tẩy rửa	Chai	100	
346	Khóa tay gạt vòi nước	Cái	20	
347	Vòi xịt nhà vệ sinh	Cái	20	
348	Van tiết lưu công lạnh	Cái	2	
349	Áo mưa vệ sinh điều hòa	Cái	5	
350	Đồng hồ đo áp suất ga	Bộ	5	
351	Vòi nước bồn rửa bát inox	Cái	5	
352	Tấm mica trắng	m2	100	
353	Khóa tủ sắt cá nhân	Bộ	50	
354	Khóa tủ sắt đầu giường	Bộ	50	
355	Khóa cửa chính phòng ở	Bộ	20	
356	Máy bơm	Cái	2	
357	Thiết bị thông tắc bồn cầu	Cái	10	
358	Nẹp mềm cố định	Cái	315	
359	Kéo cắt băng (đa năng)	Cái	315	
360	Găng tay cỡ vừa	Đôi	945	
361	Mặt nạ bỏ túi	Cái	315	
362	Băng cá nhân	Cuộn	1.575	
363	Băng chun có gạc	Cuộn	630	
364	Băng dính lụa (5cm x 2,5m)	Cuộn	630	

365	Bông hút (gói 100g)	Gói	315	
366	Gạc vô trùng 10cm x 10cm x 8 lớp	Miếng	3150	
367	Ga-rô động mạch tự sử dụng	Cái	315	
368	Gạc nén vô trùng	Cái	1575	
369	Kim giảm áp	Cái	315	
370	Chăn chống hạ thân nhiệt khẩn cấp	Cái	315	
371	Gạc có chất cầm máu nhanh Chitosan	Gói	315	
372	Hạt cầm máu nhanh Chitosan	Gói	315	
373	Gạc mỡ bông	Gói	315	
374	Povidone	Chai	315	
375	Tấm dán ngực vô trùng có van thở khí	Cái	315	
376	Vỏ túi cấp cứu (Có hướng dẫn sử dụng và TCCC card)	Bộ	315	
377	Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml	Cái	300	
378	Bơm tiêm sử dụng một lần 3ml	Cái	300	
379	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml	Cái	1000	
380	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml	Cái	300	
381	Bơm tiêm sử dụng một lần 20ml	Cái	200	
382	Bơm tiêm sử dụng một lần cho ăn, tiêm 50ml	Cái	100	
383	Băng dính lụa	Cuộn	500	
384	Băng cuộn xô (gói 5 cuộn)	Gói	1000	
385	Giấy in siêu âm	Cuộn	100	
386	Gel siêu âm	Can	5	
387	Chỉ Silk 1/0, Kim tam giác	Tép	12	
388	Chỉ Silk 2/0, Kim tam giác	Tép	12	
389	Chỉ Silk 3/0, kim tròn	Tép	12	
390	Chỉ Silk 4/0, Kim tam giác	Tép	12	
391	Dây hút nhót (loại mềm) các cỡ	Cái	200	
392	Khăn trải bàn mổ	Bộ	50	
393	Giày giấy đi trong phòng mổ (dùng 1 lần)	Đôi	200	
394	Mask thở khí dung	Cái	20	
395	Miếng dán phẫu trường	Miếng	10	
396	Bàn chải rửa tay phẫu thuật viên	Cái	60	
397	Bình xịt cồn (cồn trắng và cồn Iốt)	Cái	50	
398	Dây ôxy	Cái	50	
399	Đè lưới gỗ	Hộp	10	
400	Găng tay khám	Hộp	150	
401	Găng tay tiệt trùng	Đôi	1200	

402	Nón giấy (nam, nữ)	Cái	500	
403	Dây truyền dịch	Cái	3000	
404	Kim luồn có khóa an toàn các cỡ	Cái	2000	
405	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ y tế	Can	5	
406	Cồn 70 độ	Lít	100	
407	Cồn Iod (chai 125 ml)	Lít	10	
408	Cồn betadin (chai 100ml)	Lít	20	
409	Oxy già	Lít	20	
410	Nước cất	Ổng	500	
411	Dung dịch ngâm dụng cụ (khử trùng dụng cụ phẫu thuật)	Can	10	
412	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Chai	500	
413	Cloramin B	Thùng	12	
414	Alpha-Cypermethrin (hóa chất diệt côn trùng; dung dịch)	Lít	50	
415	Permethrin (hóa chất diệt côn trùng; dung dịch)	Lít	50	
416	Gel bôi trơn vô trùng, dùng trong nội soi, thăm khám phụ khoa	Tuýp	10	
417	Bông cất y tế (gói 100g)	Gói	500	
418	Bông gạc đắp vết thương vô trùng	Gói	1000	
419	Bông y tế (gói 1kg)	Gói	10	
420	Gạc hút tiết trùng 10 cm x 10cm x 8 lớp	Miếng	3500	
421	Gạc phẫu thuật 30 x 40cm x 4 lớp Vô trùng	Miếng	1000	
422	Gạc phẫu thuật 7,5 x 7,5cm x 6 lớp Vô trùng	Gói	3000	
423	Gạc mỡ bông	Cái	500	
424	Băng dính vết thương	Hộp	50	
425	Ga-rô lấy máu	Cái	50	
426	Vali đựng thuốc cấp cứu.	Cái	2	
427	Trang phục chống dịch cấp 2	Bộ	500	
428	Trang phục chống dịch cấp 4	Bộ	500	
429	Khẩu trang y tế 3 lớp đeo tai	Cái	10000	
430	Khẩu trang N95	Cái	1000	
431	Băng vô trùng trong suốt không thấm nước	Cái	500	
432	Băng thun y tế có móc	Cuộn	500	
433	Giấy điện tim cho Cardio 306/ Suzuken	Cuộn	10	
434	Muối pha nước muối sinh lý (thùng 64 l)	Thùng	10	

435	Săng mô có lỗ	Cái	100	
436	Khăn lau sát khuẩn	Hộp	20	
437	Ống nghe	Chiếc	10	
438	Nhiệt kế thủy ngân	Chiếc	20	
439	Máy đo huyết áp cơ	Cái	10	
440	Huyết áp điện tử	Cái	10	
441	Thước dây	Chiếc	10	
442	Sonde dạ dày	Cái	20	
443	Sonde tiểu 2 chạc	Cái	20	
444	Sonde tiểu 3 chạc	Cái	20	
445	Túi đựng nước tiểu	Cái	50	
446	Chỉ Dafilon	Tép	24	
447	Chỉ khâu phẫu thuật	Tép	24	
448	Nhiệt kế điện tử	Cái	10	
449	Máy đo SpO2 & nhịp mạch (loại kẹp ngón tay)	Chiếc	2	
450	Chậu Inox phẫu thuật	Cái	5	
451	Xô Inox phẫu thuật	Cái	5	
452	Giá + khay đựng dụng cụ	Cái	5	
453	Giá Inox đựng đồ bần	Cái	5	
454	Đồng phục bệnh viện ngắn tay	Bộ	30	
455	Đép đi phòng tiểu phẫu	Đôi	30	
456	Thùng cách nhiệt bảo quản thuốc (20 lít)	Cái	2	
457	Quần áo mi mô	Bộ	10	
458	Que test nước tiểu 14 thông số	Hộp	10	
459	Tủ sấy dụng cụ (sấy khô)	Cái	1	
460	Máy phun phòng dịch	Cái	2	
461	Xe đẩy cáng chuyên dụng	Cái	1	
462	Xe đẩy cấp cứu, tiêm chuyên dụng	Cái	1	
463	Máy test nhanh đường huyết	Cái	5	
464	Que và kim thử đường huyết tự đọc mã que	Hộp	100	
465	Nhiệt, âm kế (kỹ thuật số)	Cái	5	
466	Potain H/C, B/C	Cái	2	
467	Thuốc composite đặc (các màu)	Cây	10	
468	Thuốc composite lỏng (các màu)	Cây	10	
469	Thuốc diệt tủy	Lọ	2	
470	Dung dịch Javen rửa tủy răng	Hộp	2	
471	Thuốc sửa chữa ống tủy	Hộp	10	

472	Dung dịch sát trùng ống tủy	Lọ	5	
473	Eguenol	Lọ	2	
474	Vật liệu trám răng	Lọ	2	
475	Đầu cone vàng	Túi	10	
476	Đầu cone xanh	Túi	10	
477	Dung dịch sữa rửa tay thường quy 2%	Chai	50	
478	Dung dịch tắm rửa vệ sinh cho bệnh nhân trước phẫu thuật	Chai	50	
479	Viên nén sát khuẩn tẩy uế bề mặt cứng	Hộp	5	
480	Vôi soda	Chai	20	
481	Hóa chất phun diệt côn trùng (gián)	Lít	50	
482	Bơm tiêm điện	Cái	5	
483	Bơm truyền dịch	Cái	2	
484	Giường inox (bệnh nhân)	Cái	10	
485	Tủ đầu giường (bệnh nhân)	Cái	10	
486	Quần áo bệnh nhân các cỡ	Bộ	10	
487	Đệm giường bệnh nhân	Cái	10	
488	Ga giường bệnh nhân	Cái	20	
489	Bàn khám bệnh	Cái	2	
490	Ghế khám bác sĩ	Cái	2	
491	Ghế bệnh nhân ngồi khám (Inox)	Cái	4	
492	Máy xông tinh dầu cho bệnh nhân	Cái	10	
493	Tinh dầu	Lọ	20	
494	Ổ cắm điện 5m cho tủ bảo quản thuốc và các thiết bị y tế	Cái	10	
495	Máy đo HbA1C (loại cầm tay)	Cái	2	
496	Test HbA1C	test	300	
497	Xe đẩy 4 bánh có lưới bảo vệ	Cái	1	
498	Túi sơ cứu tại các vị trí công cộng	Cái	9	
499	Tạp dề phẫu thuật dùng 1 lần	Cái	100	
500	Chỉ nha khoa	Cuộn	50	
501	Túi đựng rác màu Trắng 50*80cm	Kg	5	
502	Túi đựng rác màu Vàng 50*80cm.	Kg	5	
503	Túi đựng rác màu Xanh 50*80cm	Kg	5	
504	Túi đựng rác màu Đen 90*120cm	Kg	5	
505	Túi đựng rác màu Trắng 90*120cm	Kg	5	
506	Túi đựng rác màu Vàng 90*120cm	Kg	5	
507	Túi đựng rác màu Xanh 90*120cm	Kg	5	
508	Túi đựng rác y tế màu Trắng 120*150cm.	Kg	5	

509	Túi đựng rác y tế màu Vàng 120*150cm	Kg	5	
510	Túi đựng rác y tế màu Xanh 120*150cm	Kg	5	
511	Thùng đựng rác y tế 60L	Cái	3	
512	Thùng đựng rác y tế nhựa đạp chân 10l	Cái	5	
513	Kim lấy thuốc 18G	Cái	500	
514	Atropin sulfat	Ống	200	
515	Lidocain HCl	Ống	200	
516	Procain hydroclorid	Ống	200	
517	Diclofenac natri	Ống	200	
518	Colchicin	Viên	5.000	
519	Allopurinol	Viên	6.000	
520	Glucosamin sulfat (dưới dạng Glucosamin sulfat natri clorid tương ứng với 1178mg glucosamin base)	Gói	9.000	
521	Chymotrypsin (tương đương Chymotrypsin USP 8,4mg)	Viên	40.000	
522	Meloxicam	Viên	2.000	
523	Celecoxib	Viên	20.000	
524	Ketoprofen	Miếng	3.500	
525	Dexamethason phosphat (dưới dạng Dexamethason natri phosphat)	Ống	2.000	
526	Methylprednisolon	Viên	9.000	
527	Methylprednisolon	Viên	6.000	
528	Methylprednisolone (dưới dạng Methylprednisolone sodium succinate)	Lọ	500	
529	Paracetamol	Chai	600	
530	Paracetamol	Viên	18.000	
531	Paracetamol + Loratadin + Dextromethorphan hydrobromid	Viên	6.000	
532	Menthol + Methyl salicylat	Tuýp	1.000	
533	Diclofenac natri + Menthol	Tuýp	600	
534	Methyl salicylate + dl-Camphor + l-Menthol + Tocopherol acetate	Miếng	3.000	
535	Adrenalin	Ống	200	
536	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat)	Ống	100	
537	Clorpheniramin maleat	Viên	5.000	
538	Diphenhydramin hydroclorid	Ống	1.000	
539	Fexofenadin hydroclorid	Viên	500	
540	Fexofenadin HCl	Viên	3.000	
541	Loratadin	Viên	500	

542	Ebastin	Viên	3.000	
543	Promethazin hydroclorid	Tuýp	1.000	
544	Sulfadiazin bạc	Tuýp	500	
545	Gabapentin	Viên	1.020	
546	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) + Acid Clavulanic (dưới dạng Kali Clavulanat + Cellulose vi tinh thể tỷ lệ 1:1)	Viên	7.000	
547	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat); Acid Clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali kết hợp với Cellulose vi tinh thể theo tỷ lệ 1:1)	Viên	9.800	
548	Cephalexin (dưới dạng cephalixin monohydrat)	Viên	10.000	
549	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat)	Viên	5.000	
550	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri)	Lọ	300	
551	Cefoperazone natri tương đương cefoperazone 1000mg	Lọ	500	
552	Cefuroxim (dưới dạng cefuroxim axetil)	Viên	5.000	
553	Gentamicin (dưới dạng Gentamicin sulfat)	Ống	500	
554	Tobramycin (dưới dạng Tobramycin sulfat)	Lọ	270	
555	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	Viên	12.000	
556	Spiramycin + Metronidazol	Viên	4.000	
557	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin HCl)	Viên	5.000	
558	Amikacin (dưới dạng Amikacin sulfat)	Lọ	500	
559	Ampicillin (dưới dạng Ampicillin natri) + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Lọ	500	
560	Amoxicilin dưới dạng Amoxicilin natri + Acid clavulanic dưới dạng kali clavulanat)	Lọ	500	
561	Metronidazol	Chai	500	
562	Metronidazol	Viên	3.000	
563	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat 768,7 mg)	Viên	2.000	
564	Doxycyclin (dưới dạng doxycyclin hyclat)	Viên	6.000	
565	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	Viên	3.000	
566	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	Gói	3.600	

567	Linezolid	Viên	1.800	
568	Cloroquin phosphat	Viên	4.000	
569	Aciclovir	Tuýp	500	
570	Acyclovir	Viên	2.000	
571	Mebendazol	Viên	2.000	
572	Ketoconazol	Tuýp	500	
573	Clotrimazol + Betamethason (Dưới dạng Betamethason dipropionat) + Gentamicin base (Dưới dạng Gentamicin sulfat)	Tuýp	1.500	
574	Fluocinolon acetonid	Tuýp	300	
575	Clotrimazol	Tuýp	200	
576	Dexpanthenol	Tuýp	300	
577	Diethyl phtalat	Chai	300	
578	Kẽm oxyd	Tuýp	100	
579	Oxy già	Lọ	200	
580	Ethanol	Chai	400	
581	Povidon iod	Chai	300	
582	Metronidazol + Neomycin (dưới dạng Neomycin sulfat) + Nystatin	Viên	1.200	
583	Acid fusidic	Tuýp	250	
584	Betamethasone dipropionat + Acid salicylic	Tuýp	1.000	
585	Dipotassium Glycyrrhizinate + Diphenhydramine + Isopropylmethylphenol + Lidocaine + Tocopherol Acetate	Tuýp	1.500	
586	Allantoin + Crotamiton + Isopropyl Methylphenol + l-Menthol + Prednisolone Valerate Acetate	Tuýp	3.000	
587	Flunarizin (dưới dạng Flunarizin dihydrochlorid)	Viên	2.400	
588	Acid tranexamic	Óng	500	
589	Losartan kali + hydrochlorothiazid	Viên	3.000	
590	Cilnidipin	Viên	3.000	
591	Perindopril erbumin	Viên	3.000	
592	Metoprolol tartrate	Viên	1.800	
593	Metformin hydrochloride	Viên	3.000	
594	Atorvastatin	Viên	3.000	
595	Fenofibrat (dưới dạng Fenofibrat micronized)	Viên	3.600	

596	Furosemid	Ống	100	
597	Furosemid	Viên	500	
598	Omeprazol (dưới dạng Omeprazol pellet bao tan trong ruột 8,5%)	Viên	5.000	
599	Famotidine	Ống	1.000	
600	Pantoprazol (dưới dạng pantoprazol natri sesquihydrat)	Viên	4.800	
601	Domperidon (dưới dạng Domperidon maleat)	Viên	6.000	
602	Domperidon maleat (tương đương Domperidon 2,5mg) + Simethicon	Gói	600	
603	Simethicon	Viên	4.000	
604	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd + Simethicon	Gói	14.000	
605	Gel nhôm phosphat	Gói	10.000	
606	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	Viên	4.800	
607	Sorbitol	Gói	3.000	
608	Bào tử Bacillus clausii kháng đa kháng sinh	Ống	1.000	
609	Lactobacillus acidophilus	Gói	1.900	
610	Lactobacillus acidophilus	Viên	15.000	
611	Racecadotril	Viên	3.000	
612	Loperamid hydroclorid	Viên	5.000	
613	Diocahedral smectite	Gói	6.000	
614	Natri clorid + Kali clorid + Natri citrat + Glucose khan	Gói	14.000	
615	Diosmin + Hesperidin	Viên	3.000	
616	Diosmin	Viên	6.000	
617	Eperison hydroclorid	Viên	3.000	
618	Ambroxol hydrochloride	Viên	6.000	
619	Acetylcystein	Gói	6.000	
620	Rotundin	Viên	1.000	
621	N-Acetyl-DL-Leucin	Ống	200	
622	Betahistin dihydroclorid	Viên	2.500	
623	Piracetam	Ống	1.000	
624	Galantamin (dưới dạng Galantamin hydrobromid)	Viên	3.000	
625	Piracetam	Gói	7.200	
626	Vinpocetine	Viên	300	

627	Cao khô lá bạch quả (Extractum Folii Ginkgo siccus) (tương đương với 9,6mg flavonol glycosid)	Viên	18.000	
628	Cao khô lá bạch quả (tương đương 28,8 mg flavonol glycosid)	Viên	18.000	
629	Natri clorid	Lọ	2.000	
630	Sodium chloride	Chai	500	
631	Xylometazolin hydroclorid	Lọ	200	
632	Tetracyclin hydroclorid	Tuýp	2.000	
633	Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid) + Vitamin B2 (dưới dạng Riboflavin natri phosphat) + Vitamin PP (Nicotinamid)	Chai	500	
634	Salmeterol (dưới dạng salmeterol xinafoate micronised) + Fluticason propionate (dạng micronised)	Bình	10	
635	Trimebutin maleat	Viên	4.000	
636	Alverin citrat	Viên	6.000	
637	Zinc Gluconat (Tương đương Zinc.....10 mg)	Viên	5.000	
638	Levosulpirid	Viên	2.100	
639	Nizatidin	Viên	6.000	
640	Mosaprid citrat (dưới dạng Mosaprid citrat dihydrat)	Viên	8.400	
641	Mifepriston	Viên	300	
642	Progesterone	Viên	1.000	
643	Alfuzosin hydrochloride	Viên	2.000	
644	Macrogol (INN)	Gói	1.500	
645	Acid Ursodeoxycholic	Viên	8.000	
646	Arginin hydroclorid	Viên	72.000	
647	Cao khô quả Cúc gai (Extractum Fructus silybi siccus) (tương đương với 28,3mg silybin và 63mg silymarin)	Viên	150.000	
648	Cao khô Carduus marianus (tương đương Silymarin 200mg)	Viên	50.000	
649	Lamivudin	Viên	4.000	
650	Tenofovir disoproxil fumarat + Lamivudin + Efavirenz	Viên	3.990	
651	Curcuminoid	Viên	15.000	
652	Acid Clavulanic (dưới dạng Kali Clavulanat - Avicel (1:1)) 28,5mg; Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted) 200mg	Viên	600	

653	Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat - syloid (1:1)) 57mg; Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat powder) 400mg	Gói	600	
654	Tolperison hydroclorid	Viên	4.800	
655	Hỗn hợp các acid amin và vitamin (L-Leucin, L-Isoleucin, Lysine HCl, L-Phenylalanin, L-Threonin, L-Valin, L-Tryptophan, DL-Methionin, Retinol palmitate, Thiamine nitrate, Riboflavin, Nicotinamide, Pyridoxine HCl, Calcium pantothenate, Cyanocobalamin, Folic acid, Ascorbic acid, Ergocalciferol, Tocopherol acetate 50%)	Viên	60.000	
656	Calci carbonat + Cholecalciferol	Viên	4.000	
657	Calcium (dưới dạng Calcium carbonate 1250mg) ; Colecalciferol (Vitamin D3)	Viên	3.990	
658	Vitamin A (Retinyl palmitat); Vitamin D3 (Cholecalciferol)	Viên	1.000	
659	Cyanocobalamin + Pyridoxin hydroclorid + Thiamin nitrat	Viên	15.000	
660	Vitamin C	Viên	80.000	
661	Acid ascorbic + Rutin	Viên	20.000	
662	Nước để pha thuốc tiêm	Ống	2.500	
663	Glucose (dưới dạng Glucose monohydrat)	Chai	200	
664	Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat 5,5g)	Chai	500	
665	Natri clorid	Chai	2.000	
666	Natri clorid + Natri lactat + Kali clorid + Calci clorid dihydrat	Chai	1.500	
667	Cao đặc Actisô (tương đương 20g lá tươi Actisô) 0,2g	Ống	50.000	
668	Cao khô hỗn hợp 10,5:1 (tương đương 6,562g dược liệu gồm: Ích mẫu 4,2g, hương phụ 1,312g, ngải cứu 1,05g) 625mg	Viên	8.000	
669	Cao khô hỗn hợp 7:1 (tương đương 245mg dược liệu gồm: Kha tử 200mg, cam thảo 25mg, bạch truật 10mg, bạch thược 10mg) 35mg; Mộc hương 100mg; Hoàng liên 50mg	Viên	1.800	

670	Cao khô Kim tiền thảo (Extractum herbae Desmodii styracifolii siccum) (tương đương với 6000mg Kim tiền thảo)	Gói	24.000	
671	Camphor + Menthol + Tinh dầu bạc hà + Tinh dầu hương nhu + Tinh dầu quế + Tinh dầu tràm	Hộp	300	
672	Camphor (Camphor Essential Oil), Eucalyptol, Menthol (Peppermint Essential Oil), Methyl salicylate (Wintergreen Essential Oil)	Chai	300	
673	Vaselin + hương liệu	Tuýp	1.000	
674	Giấy vệ sinh Hà Minh soft and clean for you	Bịch	662	
675	Puly Quạt	Cái	30	
676	Đĩa phan	Cái	30	
677	Má phan	Cặp	30	
678	Bánh tỳ điều chỉnh dây Curoa	Cái	10	
679	Bu lông bánh xe (8 cái/bánh)	Cái	128	
680	Trục láp bên phụ (phải), phía trước	Cái	4	
681	Trục láp bên lái (trái), phía trước	Cái	4	
682	Máy phát	Cái	3	
683	Lốc lạnh	Cái	3	
684	Van sủi khí nạp	Cái	5	
685	Lọc nhiên liệu (Tinh)	Cái	20	
686	Lọc nhiên liệu có bộ tách nước(Thô)	Cái	20	
687	Két làm mát	Cái	3	
688	Ổng dẫn nước ra động cơ	Cái	5	
689	Tay, chổi gạt mưa	Bộ	6	
690	Mô tơ gạt mưa	Cái	6	
691	Bóng đèn	Cái	20	
692	Bộ đèn kích thước sau bên trái	Cái	4	
693	Bộ đèn kích thước sau bên phải	Cái	4	
694	Bộ bình chứa nước rửa kính (có bơm nước rửa kính)	Bộ	7	
695	Trục các đăng từ hộp số phụ đến cầu giữa	Cái	3	
696	Trục các đăng từ Hộp số phụ đến cầu trước	Cái	3	
697	Trục các đăng từ Cầu giữa đến cầu sau	Cái	3	

698	Trục các đăng từ Hộp chính số đến hộp số phụ	Cái	3	
699	Bộ Nhíp xe sau	Bộ	3	
700	Bộ Nhíp xe trước	Bộ	3	
701	Gương chiếu hậu chữ nhật (Trái)	cái	5	
702	Gương chiếu hậu chữ nhật (Phải)	cái	5	
703	Gương soi góc rộng trái	cái	5	
704	Gương soi góc rộng phải	cái	5	
705	Gương chiếu hậu bên trong ca bin	cái	5	
706	Gương chiếu hậu quan sát cận cảnh	cái	5	
707	Gương chiếu hậu phía trước	cái	5	
708	Bộ gạt mưa đù bộ	Bộ	11	
709	Bộ đèn kết hợp phía sau bên trái	Cái	10	
710	Bộ đèn kết hợp phía sau bên phải	Cái	10	
711	Dây hơi bầu phanh trước	Sợi	11	
712	Dây hơi bầu phanh trước	Sợi	11	
713	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	11	
714	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	11	
715	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	11	
716	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	11	
717	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	11	
718	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	11	
719	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	11	
720	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	11	
721	Bộ còi điện (Bộ/2 cái)	Bộ	11	
722	Bơm nhiên liệu cao áp	Cái	5	
723	Máy khởi động	Cái	6	
724	Máy phát	Cái	4	
725	Bơm trợ lực lái	cái	4	
726	Bộ ly hợp	bộ	8	
727	Lá côn	Cái	8	
728	Cảm biến áp suất dầu	Cái	8	
729	Cảm biến nhiệt độ nước	Cái	8	
730	Tuy ô cấp nhiên liệu	Cái	8	
731	Tuy ô hồi nhiên liệu	Cái	8	
732	Tuy ô hồi nhiên liệu	Cái	8	
733	Bơm nước rửa kính cả bình	Bộ	6	
734	Đầu nối ống thủy lực vào bơm	Cái	3	
735	Mô tơ gạt mưa	Cái	6	

736	Đĩa ly hợp	Cái	5	
737	Trục các đăng, từ hộp số phụ đến cầu sau	Cái	4	
738	Trục các đăng, từ hộp số phụ đến cầu trước	Cái	4	
739	Trục các đăng từ hộp số phụ, đến hộp số chính.	Cái	4	
740	Nhíp xe trước	Bộ	8	
741	Nhíp xe sau	Bộ	8	
742	Gương chiếu hậu hình chữ nhật (trái)	Cái	4	
743	Gương chiếu hậu hình chữ nhật (phải)	Cái	4	
744	Gương soi góc rộng trái	Cái	4	
745	Gương soi góc rộng phải	Cái	4	
746	Gương chiếu hậu phía trong ca bin	Cái	4	
747	Gương chiếu hậu ngoài quan sát cận cảnh	Cái	6	
748	Gương chiếu hậu phía trước	Cái	6	
749	Bộ gạt mưa đủ bộ	Bộ	6	
750	Bộ đèn sau bên trái	Cái	6	
751	Bộ đèn sau bên phải	Cái	6	
752	Dây hơi bầu phanh trước	Sợi	12	
753	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	12	
754	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	12	
755	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	12	
756	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	12	
757	Còi	Cái	12	
758	Bình nước rửa kính có bơm	Bộ	12	
759	Máy khởi động	Cái	5	
760	Máy phát điện	Cái	5	
761	Đĩa ly hợp	Cái	4	
762	Trục các đăng từ hộp số phụ đến cầu sau	Cái	2	
763	Trục các đăng từ hộp số phụ đến cầu trước	Cái	2	
764	Trục các đăng từ cầu giữa đến cầu sau	Cái	2	
765	Trục các đăng từ hộp số chính đến hộp số phụ	Cái	2	
766	Nhíp trước	Bộ	4	
767	Nhíp sau	Bộ	4	
768	Gương chiếu hậu bên trái	Cái	4	
769	Gương chiếu hậu bên phải	Cái	4	
770	Gương soi góc rộng trái	Cái	4	

771	Giương soi góc rộng phải	Cái	4	
772	Giương chiếu hậu trong ca bin	Cái	4	
773	Giương chiếu hậu quan sát cận cảnh	Cái	4	
774	Giương chiếu hậu phía trước	Cái	4	
775	Bộ gạt mưa đũa bộ	Bộ	10	
776	Cơ cầu quay kính trái	Cái	5	
777	Cơ cầu quay kính phải	Cái	5	
778	Đèn tích hợp sau bên trái	Cái	4	
779	Đèn tích hợp sau bên phải	Cái	4	
780	Dây hơi bầu phanh trước	Sợi	10	
781	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	10	
782	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	10	
783	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	10	
784	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	10	
785	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	10	
786	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	10	
787	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	10	
788	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	10	
789	Dây hơi bầu phanh sau	Sợi	10	
790	Còi	Cái	10	
791	Rơ le đèn	Cái	10	
792	Bơm nước rửa kính cả bình	Bộ	5	
793	Cụm trục các đăng từ hộp số phụ đến cầu sau	Cái	5	
794	Cụm trục các-đăng từ hộp số phụ đến cầu trước	Cái	5	
795	Cụm trục các đăng từ hộp số chính đến hộp số phụ	Cái	5	
796	Cảm biến tốc độ	Cái	10	
797	Rơ le khởi động	Cái	8	
798	Cảm biến áp suất khí	Cái	8	
799	Cảm biến áp suất dầu	Cái	8	
800	Phốt dầu trục chính hộp số	Cái	10	
801	Tuy ô nước ra két nước	Cái	10	
802	Tuy ô nạp khí	Cái	20	
803	Tuy ô nạp khí turbo tăng áp	Cái	20	
804	Tuy ô nước vào két nước	Cái	10	
805	Khóa mát	Cái	20	
806	Dây hơi bầu phanh cầu sau	Sợi	5	
807	Dây hơi bầu phanh cầu sau	Sợi	5	

808	Dây hơi bầu phanh cầu sau	Sợi	5	
809	Dây hơi bầu phanh cầu sau	Sợi	5	
810	Dây hơi bầu phanh cầu trước	Sợi	20	
811	Dây hơi bầu phanh cầu trước	Sợi	20	
812	Tuy ô bơm ca bin	Cái	20	
813	Tuy ô bơm ca bin	Cái	20	
814	Long đèn đồng trục hộp số phụ	Cái	80	
815	Long đèn đồng van phanh tay	Cái	80	
816	Cụm đèn hậu phải	Cái	20	
817	Van điện từ ngắt đường dầu	Cái	10	
818	Hộp số chính	Cái	2	
819	Hộp số phụ	Cái	2	
820	Bơm cao áp	Cái	2	
821	Máy nén khí	Cái	2	
822	Máy khởi động	Cái	2	
823	Máy phát	Cái	2	
824	Bốt lái	Cái	2	
825	Bơm trợ lực lái	Cái	2	
826	Turbo	Cái	2	
827	Nhíp trước	Bộ	2	
828	PTO (Hộp trích công suất)	Cái	2	
829	Lốc lạnh điều hòa (Ca bin xe tải)	Cái	2	
830	Lọc tinh nhiên liệu	Cái	5	
831	Lọc tinh nhiên liệu	Cái	5	
832	Lọc thô nhiên liệu	Cái	10	
833	Lọc nhớt	Cái	10	
834	Gương chiếu hậu lồi	Cái	4	
835	Mô tơ gạt mưa	Cái	6	
836	Bơm nước rửa kính (không bình)	Cái	2	
837	Bơm cao áp	Cái	2	
838	Máy nén khí	Cái	2	
839	Bộ lọc không khí	Bộ	2	
840	Máy khởi động	Cái	2	
841	Máy phát	Cái	2	
842	Lọc nhiên liệu thô	Cái	8	
843	Lọc nhớt	Cái	8	
844	Đĩa ly hợp	Cái	4	
845	Gương chiếu hậu lồi	Cái	4	

846	Trục các đăng từ Hộp số phụ đến cầu trước	Cái	2	
847	Trục các đăng từ Hộp số chính đến Hộp số phụ	Cái	2	
848	Trục các đăng từ Hộp số phụ đến cầu sau	Cái	2	
849	Đèn tích hợp phía sau bên trái	Cái	4	
850	Đèn tích hợp phía sau bên phải	Cái	4	
851	Dây hơi bầu phanh	Sợi	24	
852	Còi điện	Cái	8	
853	Đèn tích hợp phía trước bên phải	Cái	4	
854	Đèn tích hợp phía trước bên trái	Cái	4	
855	Bơm nước rửa kính cả bình	Bộ	3	
856	Axit tẩy mỗi hàn đỏ (đồng bộ với máy hàn điện 1 chiều 200A (Tig))	Lít	5	
857	Bàn chải sắt	Chiếc	50	
858	Băng dính điện màu đen	Cuộn	300	
859	Bào tay loại nhỏ	Cái	2	
860	Bào tay loại to	Cái	2	
861	Bình điện 12V-140Ah	Chiếc	10	
862	Bình điện 12V-130Ah	Chiếc	10	
863	Bình điện 12V-100Ah	Chiếc	10	
864	Bình điện 12V-120Ah	Chiếc	10	
865	Bình điện 12V-150Ah	Chiếc	10	
866	Bình điện 12V-160Ah	Chiếc	10	
867	Bình điện 12V-75Ah	Chiếc	10	
868	Bình khí argon 10 lít (đồng bộ với máy hàn điện 1 chiều 200A (Tig))	Bình	18	
869	Bộ cờ lê chòong 8-24	Bộ	5	
870	Bộ đóng số	Bộ	1	
871	Bộ đục gỗ 12 món	Bộ	1	
872	Bộ dụng cụ bơm ga điều hòa	Bộ	3	
873	Bộ dụng cụ cắt kính 7 chi tiết	Cái	2	
874	Bộ dụng cụ sửa chữa cơ khí nhỏ	Bộ	1	
875	Bộ dụng cụ sửa chữa điện tử	Bộ	1	
876	Bộ dụng cụ sửa chữa trên 200 chi tiết	Bộ	1	
877	Bộ măng sông nối ống HDPE	Chiếc	2	
878	Bộ ren ống 0-100mm	Bộ	1	
879	Bộ vật liệu hàn laze (đồng bộ theo máy)	Bộ	6	
880	Bơm mỡ bằng tay 500cc	Chiếc	8	
881	Bơm nước cấp 4KW (điện)	Chiếc	1	

882	Bu lông + Ê cu các loại	Kg	25	
883	Búa 5kg	Cái	5	
884	Búa tay loại nhỏ (0,5kg)	Cái	5	
885	Bạt che máy (kích thước 6x5m, cách 50 cm bầm 1 khuyết)	Cái	13	
886	Can dầu 20 lít bằng sắt	Chiếc	5	
887	Can dầu 20 lít nhựa PVC	Cái	5	
888	Can đựng hóa chất 10 lít	Chiếc	5	
889	Can nhựa đựng Axít	Chiếc	5	
890	Cân tiểu ly	Cái	1	
891	Cảo 2 châu 8"	Bộ	2	
892	Cảo 3 châu 8"	Bộ	2	
893	Cáp chằng	Bộ	100	
894	Cáp vải 10T12M	Chiếc	2	
895	Cáp vải 12T12M	Chiếc	2	
896	Cáp vải 16T12M	Chiếc	2	
897	Cáp vải 1T6M	Chiếc	2	
898	Cáp vải 20T10M	Chiếc	2	
899	Cáp vải 25T12M	Chiếc	2	
900	Cáp vải 2T6M	Chiếc	2	
901	Cáp vải 30T12M	Chiếc	2	
902	Cáp vải 3T6M	Chiếc	2	
903	Cáp vải 4T6M	Chiếc	2	
904	Cáp vải 5T6M	Chiếc	2	
905	Cáp vải 6T6M	Chiếc	2	
906	Cáp vải 8T6M	Chiếc	2	
907	Cáp vải tròn 50T	Chiếc	2	
908	Câu liêm + cán	Bộ	5	
909	Chai xịt chống rỉ sét và bôi trơn RP7	Lọ	30	
910	Chậu đựng vữa	Cái	20	
911	Chổi lăn sơn các loại	Chiếc	20	
912	Chổi sắt tẩy mối hàn (đồng bộ với máy hàn điện 1 chiều 200A (Tig))	Chiếc	20	
913	Chổi quét sơn các loại	Cái	100	
914	Chốt chẻ các loại	Kg	2	
915	Con lăn sơn hình trụ	Chiếc	50	
916	Cuốc trộn vữa + Cán gỗ	Chiếc	30	
917	Cuộn dây hàn Mig theo máy	Cuộn	75	
918	Đai xiết Inox vô tận các loại từ 06, 08,... đến 075	Cái	200	

919	Dao xây, bay, bàn xoa (10 cái/loại)	Bộ	30	
920	Đầu bắn lục phi 8	Cái	50	
921	Đầu bắn lục Phi 8 và 10	Cái	50	
922	Đầu kẹp bình điện cho ắc quy 185Ah, 100Ah, 75Ah	Bộ	50	
923	Dầu cầu 85W140	Lít	500	
924	Đầu chụp bắn tôn M10	Cái	50	
925	Đầu côn lồi, lổm cho ống tuy-ô thủy lực đồng bộ theo các loại ống tuy-ô thủy lực	Cái	200	
926	Đầu cút (nối) các cỡ (HDPE: T, thẳng, L..)	Cái	100	
927	Dây 150-10m chia điện khí (đồng bộ với máy hàn điện 1 chiều 200A)	Bộ	3	
928	Dây 150-10m cổ mềm (chống cháy-đồng bộ với máy hàn điện 1 chiều 200A (Tig))	Bộ	1	
929	Dây 150-8m chia điện khí (đồng bộ với máy hàn điện 1 chiều 200A)	Bộ	2	
930	Dây 150-8m cổ mềm (chống cháy-đồng bộ với máy hàn điện 1 chiều 200A (Tig))	Bộ	1	
931	Dây cáp hàn 25mm ²	Mét	20	
932	Dây cước xây dựng;	Kg	3	
933	Dây dẫn phun sơn	Mét	50	
934	Dây điện 3 pha 3x4	Mét	100	
935	Dây điện đôi 2 x 1,5	Mét	100	
936	Dây điện đôi 2 x 2,5	Mét	100	
937	Dây điện đôi 2x4	Mét	100	
938	Dây điện đôi 2x6	Mét	100	
939	Dây điện đơn Φ 2	Mét	100	
940	Dây hàn thiếc	Cuộn	50	
941	Dây hơi đồng bộ với súng xiết bu lông xe tải cỡ lớn	Bộ	3	
942	Dây inox 201 0.8-1.0 (15kg/cuộn-đồng bộ với máy hàn điện 1 chiều 200A (Tig))	Kg	10	
943	Dây inox 304 0.8-1.0 (5kg/cuộn-đồng bộ với máy hàn điện 1 chiều 200A (Tig))	Kg	10	
944	Dây nhôm (đồng bộ với máy hàn điện 1 chiều 200A (Tig))	Kg	10	
945	Dây sắt 0.8 không thuốc (5kg/cuộn-đồng bộ với máy hàn điện 1 chiều 200A (Tig))	Kg	10	
946	Dây sắt 1.0 lõi thuốc (5kg/cuộn-đồng bộ với máy hàn điện 1 chiều 200A (Tig))	Kg	10	

947	Dây ti-ô (nhựa mềm)	Mét	100	
948	Dây tuy-ô thủy lực các loại cho xe ô tô và máy xây dựng (1/4"; 3/8"; 1/2"; 3/4"; 1"; 1-1/4"; 1- 1/2") mỗi loại 50 Ống, chiều dài mỗi ống từ 5- 10m	Ống	70	
949	Đệm A mi ăng các loại (1270x1270)	Tấm	20	
950	Đèn pin theo xe (tăng sáng)	Cái	20	
951	Đinh ốc 2cm (Bu lông đen)	Kg	10	
952	Đinh ốc 3cm (Bulong đen)	Kg	10	
953	Đinh ốc 5cm (Bulong đen)	Kg	10	
954	Đinh tán nhôm các loại	Kg	10	
955	Đồng hồ đo điện vạn năng	Chiếc	1	
956	Dung dịch H2SO4 dùng choẮc Quy 12V- 185Ah	Lít	200	
957	Dung dịch H2SO4 dùng choẮc Quy 12V- 75Ah	Lít	200	
958	Găng tay bảo hộ bằng len	Đôi	100	
959	Găng tay cao su	Bộ	200	
960	Găng tay chống cắt	Đôi	50	
961	Găng tay vải	Đôi	500	
962	Gas điều hòa xe	Bình	30	
963	Giá chi tiết ngăn không đồ (710x510x725mm)	Chiếc	3	
964	Giấy nhám thô	Cuộn	40	
965	Giấy ráp mịn	Cuộn	50	
966	Keo dán đệm A-mi-ăng	Hộp	15	
967	Keo nền silicon theo súng	Kg	5	
968	Keo vá lốp ô tô	Tuýp	50	
969	Khẩu 32 loại tốt (đồng bộ với súng hơi)	Cái	2	
970	Khẩu 36 loại tốt (đồng bộ với súng hơi)	Cái	2	
971	Khẩu 38 loại tốt (đồng bộ với súng hơi)	Cái	2	
972	Khẩu 41 loại tốt (đồng bộ với súng hơi)	Cái	2	
973	Khay tôn đựng vữa	Cái	20	
974	Khóa đóng, mở vòi chữa cháy	Cái	2	
975	Khớp nối hỗn hợp 65-50	Bộ	2	
976	Khớp nối vòi chữa cháy D50	Bộ	2	
977	Khớp nối vòi chữa cháy D65	Bộ	2	
978	Kích cá sấu thủy lực 5 tấn (thân dài)	Chiếc	2	
979	Kìm cắt dây điện;	Chiếc	5	
980	Kính hàn tự động	Chiếc	5	

981	Long đen các loại	Kg	15	
982	Lốp 14.00R20 (không sãm) dùng cho xe tải 15T	Cái	24	
983	Lốp 235/75R17.5 (không sãm) dùng cho xe tải 1,6T	Cái	16	
984	Lốp 305/80R20 dùng cho xe bus 22 chỗ	Cái	12	
985	Lốp sãm yếm 11.00-20 dùng cho xe cần cẩu 16T	Bộ	2	
986	Lốp sãm yếm 11.00R20 dùng cho xe téc chở nước, chở dầu, xe tải đông lạnh	Bộ	9	
987	Lốp sãm yếm 12.00-24 dùng cho xe nâng container 16T	Bộ	12	
988	Lốp sãm yếm 12.00R20 dùng cho xe đầu kéo 55T, cứu hộ 12T, 24T, rơ móc 20T, 40T	Bộ	20	
989	Lốp sãm yếm 14.00-20 dùng cho xe bảo dưỡng nhà xưởng, xe hút bể phốt	Bộ	7	
990	Lốp sãm yếm 17.5-25 dùng cho xe máy gạt	Bộ	7	
991	Lưỡi cưa xẻ gỗ (dự phòng)	Cái	2	
992	Ma ní 12 Tấn	Chiếc	4	
993	Ma ní 17 Tấn	Chiếc	4	
994	Ma ní 2 Tấn	Chiếc	4	
995	Ma ní 25 Tấn	Chiếc	4	
996	Ma ní 3 1/4 Tấn	Chiếc	4	
997	Ma ní 4 3/4 Tấn	Chiếc	4	
998	Ma ní 50 Tấn	Chiếc	4	
999	Ma ní 6 1/2 Tấn	Chiếc	4	
1000	Ma ní 8 1/2 Tấn	Chiếc	4	
1001	Ma ní 9 1/2 Tấn	Chiếc	4	
1002	Ma ní xoay phi 13	Chiếc	4	
1003	Ma ní xoay phi 15	Chiếc	4	
1004	Ma ní xoay phi 16	Chiếc	4	
1005	Ma ní xoay phi 19	Chiếc	4	
1006	Ma ní xoay phi 23	Chiếc	4	

100 7	Ma ní xoay phi 25	Chiếc	4	
100 8	Máy bơm mỡ khí nén	Chiếc	3	
100 9	Máy bơm nước áp lực cao/2800W	Cái	2	
101 0	Máy cân chỉnh bơm cao áp	Chiếc	1	
101 1	Máy cắt plasma	Chiếc	1	
101 2	Máy cắt sắt bàn Ø355	Chiếc	1	
101 3	Máy cưa lọng cầm tay	Cái	1	
101 4	Máy cưa xích chạy điện	Cái	1	
101 5	Máy đánh bóng xy lanh	Chiếc	1	
101 6	Máy đo cao độ laze	Cái	3	
101 7	Máy hàn laze	Chiếc	1	
101 8	Máy mài cầm tay đa năng	Cái	1	
101 9	Máy mài supap	Chiếc	1	
102 0	Máy nạp ắc quy 4kw	Cái	1	
102 1	Máy nén khí công suất 3 HP/ bình 30 lít;	Chiếc	1	
102 2	Máy phát điện loại nhỏ diesel loại 5kw	Chiếc	1	
102 3	Máy rửa xe (áp lực cao) 7,5KW	Cái	1	
102 4	Máy test cường độ bê tông	Cái	1	
102 5	Miếng vá lốp ô tô các loại	Cái	300	
102 6	Mỏ hàn nhiệt	Chiếc	1	
102 7	Mỏ hàn xung điện	Chiếc	1	
102 8	Mũ hàn (mặt nạ) điện tử	Cái	3	

102 9	Mũi khoan (nhiều mũi) (phi 6 đến phi 20)	Hộp	6	
103 0	Mũi khoan sắt Ø3	Cái	20	
103 1	Mũi khoan sắt Ø3,2	Cái	20	
103 2	Mũi khoan sắt Ø4	Cái	20	
103 3	Mũi khoan sắt Ø4,2	Cái	20	
103 4	Mũi khoan sắt Ø5	Cái	20	
103 5	Mũi khoan sắt Ø5,5	Cái	20	
103 6	Mũi khoan sắt Ø6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 (Mỗi loại 10 cái)	Cái	100	
103 7	Nguồn cấp 1 chiều	Chiếc	1	
103 8	Ổ cắm điện + dây 5 m Lioa (6 ổ cắm)	Chiếc	10	
103 9	Ổng đồng các loại khác	Kg	10	
104 0	Ổng đồng Ø10	Kg	10	
104 1	Ổng đồng Ø6	Kg	10	
104 2	Ổng đồng Ø8	Kg	10	
104 3	Phễu Nhựa PVC	Chiếc	10	
104 4	Phích sậy vàng 10kg (đồng bộ với máy hàn điện 1 chiều 200A (Tig))	Chiếc	6	
104 5	Phốt chỉ	Hộp	18	
104 6	Quần áo bảo hộ size M, L, XL màu xanh công nhân, lưng áo có in chữ UN màu trắng; Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	400	
104 7	Que bù inox 304 1.6-2.4 (đồng bộ với máy hàn điện 1 chiều 200A (Tig))	Kg	5	
104 8	Que bù inox 308 1.6-2.4 (đồng bộ với máy hàn điện 1 chiều 200A (Tig))	Kg	5	
104 9	Que bù nhôm 1.6(r5356) (đồng bộ với máy hàn điện 1 chiều 200A (Tig))	Kg	5	

1050	Que bù nhôm 2.4 (r5356) (đồng bộ với máy hàn điện 1 chiều 200A (Tig))	Kg	5	
1051	Que bù sắt 1.6-3.2 (đồng bộ với máy hàn điện 1 chiều 200A (Tig))	Kg	5	
1052	Que hàn các loại	Kg	100	
1053	Que hàn Ø2.5	Kg	100	
1054	Que hàn Ø3.2	Kg	50	
1055	Que hàn Ø4.0	Kg	20	
1056	Sơn cách điện	Kg	10	
1057	Sơn đen	Kg	10	
1058	Sơn đỏ dùng cho xe ô tô	Kg	10	
1059	Sơn tổng hợp (màu xanh hòa bình - blue)	Kg	10	
1060	Sơn trắng dùng cho xe ô tô	Kg	50	
1061	Sơn vàng	Kg	5	
1062	Súng bắn hơi nóng (dùng điện)	Chiếc	1	
1063	Súng bắn keo nến	Chiếc	5	
1064	Súng phun sơn	Cái	3	
1065	Súng vắn bu lông 1/2" khí nén	Chiếc	1	
1066	Súng xiết bu lông dành cho xe tải cỡ lớn (lực siết $\geq 2600\text{N.m}$)	Cái	1	
1067	Thang nhôm chữ A 2m	Cái	2	
1068	Thiết bị lọc nước uống 10lít/h	Bộ	4	
1069	Thiết bị tháo lắp lớp 3/4"	Bộ	1	
1070	Thiết bị tháo lắp lớp 3/4" khí nén	Chiếc	1	
1071	Thùng đựng rác (có bánh xe) - Màu xanh	Chiếc	5	

107 2	Thùng đựng rác công nghiệp có bánh xe	Chiếc	5	
107 3	Thùng nhựa đựng nước loại 50 lít	Chiếc	5	
107 4	Thước dây rút 3m; 7m,10m	Chiếc	6	
107 5	Thước dây rút 5m;	Chiếc	9	
107 6	Thước ke góc vuông	Cái	4	
107 7	Tôn tấm lợp (<i>độ dày 0,4 đến 0,5 mm; 11 sóng dài 5 m</i>)	Tấm	300	
107 8	Ủng cao su (Size theo cỡ bộ quần áo bảo hộ lao động M, L, XL);	Đôi	20	
107 9	Vít bắn tôn 10 cm	Kg	10	
108 0	Vít bắn vách 2cm	Kg	10	
108 1	Vòi phun + ống 10m cao su	Chiếc	3	
108 2	Vòi phun + ống 10m	Chiếc	2	
108 3	Xẻng trộn vữa + Cán gỗ	Chiếc	20	
108 4	Xô nhựa đựng nước Loại nhỏ 10 lít	Chiếc	10	
108 5	Xô tôn đựng nước Loại nhỏ 10 lít	Chiếc	10	
108 6	Xô xách vữa nhựa	Cái	10	
108 7	Dụng dịch rửa ống điều hòa	Lít	50	
108 8	Goăng, phốt các loại các cỡ	Hộp	50	
108 9	Đồng hồ đo ga ô tô	Bộ	5	
109 0	Dầu bôi trơn lọc điều hòa	Lọ	150	
109 1	Gương chiếu hậu trái	Cái	2	
109 2	Gương chiếu hậu phải	Cái	2	
109 3	Đèn làm việc sau	Cái	8	

109 4	Đèn cảnh báo sau	Cái	2	
109 5	Đèn sau	Cái	4	
109 6	Còi	Cái	2	
109 7	Xy lanh thủy lực lái	Cái	2	
109 8	Bơm thủy lực	Cái	2	
109 9	Rơ le trung gian	Cái	2	
110 0	Rơ le đánh lửa	Cái	2	
110 1	Rơ le độ trễ 1	Cái	2	
110 2	Kính chắn gió phía trước	Cái	2	
110 3	Bơm nước rửa kính trên	Cái	2	
110 4	Bộ điều khiển van thủy lực	Cái	2	
110 5	Bơm lái	Cái	4	
110 6	Bộ giảm sóc	Bộ	1	
110 7	Bộ khớp nối đa chiều	Cái	1	
110 8	Bộ dây đai phanh	Cái	4	
110 9	Máy khởi động	Cái	2	
111 0	Mặt bích bánh răng truyền động cuối	Cái	4	
111 1	Bu lông lưỡi ủi	Cái	50	
111 2	Chốt bánh xích	Cái	10	
111 3	Khớp nối bánh xích	Cái	10	
111 4	Lá xích	Cái	15	
111 5	Đĩa ma sát ly hợp	Cái	10	

111 6	Vòng bi kim	Cái	10	
111 7	Vòng bi kim	Cái	10	
111 8	Trục mềm cần lái	Cái	4	
111 9	Công tắc hành trình	Cái	4	
112 0	Máy phát tích hợp	Cái	4	
112 1	Công tắc đèn	Cái	4	
112 2	Đèn trước	Cái	4	
112 3	Công tắc khởi động	Cái	4	
112 4	Bóng đèn của đèn trước	Cái	16	
112 5	Rơ le ắc quy	Cái	5	
112 6	Cầu chì (15A)	Cái	10	
112 7	Cầu chì (20A)	Cái	20	
112 8	Cầu chì (30A)	Cái	20	
112 9	Cầu chì (10A)	Cái	20	
113 0	Cần đẩy (trái)	Cái	4	
113 1	Đầu rotuyn	Cái	4	
113 2	Khớp rotuyn	Cái	4	
113 3	Dây curoa quạt	Sợi	4	
113 4	Bộ căng xích	Cái	2	
113 5	Cần đẩy	Cái	4	
113 6	Dây curoa máy điều hòa	Sợi	4	
113 7	Van an toàn	Cái	4	

113 8	Cần chổi gạt mưa phía trước	Bộ	4	
113 9	Còi	Cái	4	
114 0	Nắp bình nhiên liệu	Cái	4	
114 1	Lọc dầu động cơ	Cái	10	
114 2	Lọc dầu diesel	Cái	10	
114 3	Lọc không khí	Cái	10	
114 4	Lọc dầu hộp số	Cái	10	
114 5	Lọc tinh cơ cầu lái	Cái	10	
114 6	Lọc thô cơ cầu lái	Cái	10	
114 7	Lọc nước	Cái	10	
114 8	Phớt dầu	Cái	10	
114 9	Phớt nổi	Cái	10	
115 0	Bu lông xích (25 cái/dài)	Cái	25	
115 1	Lưỡi cắt giữa	Cái	10	
115 2	Lưỡi cắt góc trái	Cái	5	
115 3	Lưỡi cắt góc phải	Cái	5	
115 4	Bu lông lưỡi cắt	Cái	40	
115 5	Máy phát điện	Cái	2	
115 6	Van công tác	Cái	4	
115 7	Van thay đổi tốc độ	Cái	4	
115 8	Khớp ly hợp lái	Cái	2	
115 9	Bơm thủy lực	Cái	2	

116 0	Lá xích	Cái	10	
116 1	Vòng bi	Cái	4	
116 2	Vòng bi	Cái	4	
116 3	Vòng bi	Cái	4	
116 4	Vòng bi	Cái	4	
116 5	Công tắc hành trình	Cái	4	
116 6	Rơ le	Cái	4	
116 7	Cảm biến nhiệt độ nước	Cái	4	
116 8	Công tắc khởi động	Cái	4	
116 9	Cảm biến áp suất dầu	Cái	4	
117 0	Rơ le ác quy (Khóa mát)	Cái	4	
117 1	Bơm thủy lực	Cái	2	
117 2	Lò xo phanh	Cái	10	
117 3	Khởi động	Cái	2	
117 4	Van điều tiết	Cái	4	
117 5	Góc dao trái	Cái	4	
117 6	Lưỡi cắt	Cái	4	
117 7	Góc dao phải	Cái	4	
117 8	Lọc dầu	Cái	10	
117 9	Lọc nhiên liệu	Cái	10	
118 0	Lọc nhớt thùng dầu thủy lực	Cái	2	
118 1	Lọc nhớt hộp số	Cái	4	

118 2	Lọc nhớt thủy lực	Cái	4	
118 3	Xy lanh lái bên trái	Cái	2	
118 4	Bulong lưới ủi	Cái	40	
118 5	Tuy ô thủy lực	Cái	5	
118 6	Van phân phối dầu trợ lực lái	Cái	4	
118 7	Phớt dầu hộp số	Cái	16	
118 8	Xy lanh lái bên phải	Cái	2	
118 9	Đai ốc bu lông	Cái	2	
119 0	Lọc nhớt	Cái	10	
119 1	Lọc không khí	Cái	10	
119 2	Lọc không khí	Cái	10	
119 3	Lọc dầu	Cái	10	
119 4	Lọc nhiên liệu	Cái	10	
119 5	Lọc nước	Cái	10	
119 6	Bơm nhớt	Cái	2	
119 7	Bơm lái	Cái	2	
119 8	Máy phát	Cái	2	
119 9	Bơm nước	Cái	2	
120 0	Máy khởi động	Cái	2	
120 1	Bulong M22x1,5	Bộ	40	
120 2	Bulong đai ốc M20x1,5x60	Bộ	40	
120 3	Bulong đai ốc	Bộ	40	

120 4	Bulong	Cái	40	
120 5	Bơm thủy lực	Cái	2	
120 6	Chốt xích	Cái	40	
120 7	Vòng bi	Cái	4	
120 8	Vòng bi kim	Cái	4	
120 9	Phanh tay	Cái	4	
121 0	Hộp cầu chì	Cái	4	
121 1	Nút nhấn (Còi)	Cái	2	
121 2	Rơ le	Cái	2	
121 3	Đèn	Cái	4	
121 4	Ổ khóa điện	Cái	2	
121 5	Rơ le	Cái	4	
121 6	Vỏ táp lô ca bin	Cái	2	
121 7	Còi	Cái	2	
121 8	Lưỡi cắt trái	Cái	4	
121 9	Lưỡi cắt phải	Cái	4	
122 0	Lưỡi cắt giữa	Cái	4	
122 1	Phốt dầu	Cái	8	
122 2	Bơm cao áp	Cái	2	
122 3	Dây curoa đa rãnh chữ V	Sợi	4	
122 4	Dây curoa đa rãnh chữ V	Sợi	4	
122 5	Dây curoa A17-470	Sợi	4	

122 6	Bơm hơi	Cái	2	
122 7	Máy khởi động	Cái	2	
122 8	Máy phát	Cái	2	
122 9	Bơm thủy lực	Cái	2	
123 0	Van điều tiết thủy lực	Cái	4	
123 1	Turbo	Cái	2	
123 2	Quạt giàn nóng điều hòa	Cái	4	
123 3	Hộp số	Cái	2	
123 4	Bơm trợ lực lái	Cái	2	
123 5	Bộ bơm tăng áp chân phanh	Cái	2	
123 6	Lọc lạnh điều hòa	Cái	2	
123 7	Lọc thô nhiên liệu	Cái	10	
123 8	Lọc tinh nhiên liệu	Cái	10	
123 9	Lọc nhớt hộp số	Cái	10	
124 0	Lọc nhớt thùng dầu thủy lực	Cái	10	
124 1	Lốp xe	Bộ	2	
124 2	Cụm van chính	Cụm	2	
124 3	Bơm cao áp	Cái	2	
124 4	Lọc lạnh điều hòa	Cái	2	
124 5	Máy khởi động	Cái	2	
124 6	Cụm quay toa	Cụm	2	
124 7	Bơm tổng	Cụm	2	

124 8	Bơm thủy lực	Cái	2	
124 9	Motor di chuyển	Cái	2	
125 0	Lọc thô nhiên liệu	Cái	10	
125 1	Lọc nhớt máy	Cái	10	
125 2	Bầu lọc dầu thủy lực	Cái	10	
125 3	Lõi lọc hút dầu thủy lực	Cái	10	
125 4	Công tắc áp suất	Cái	4	
125 5	Bộ điều khiển phanh	Cái	4	
125 6	Role khởi động	Cái	4	
125 7	Công tắc áp suất	Cái	3	
125 8	Lọc thùng dầu thủy lực	Cái	4	
125 9	Lõi lọc tiếp nhiên liệu	Cái	4	
126 0	Lọc không khí thùng dầu thủy lực	Cái	4	
126 1	Bộ phối xy lanh thủy lực lái	Bộ	4	
126 2	Dây curoa pu ly quạt làm mát	Sợi	4	
126 3	Công tắc điều khiển điều hòa	Cái	4	
126 4	Công tắc áp suất	Cái	4	
126 5	Màng lọc nhiên liệu	Cái	4	
126 6	Bộ gạt mưa đủ bộ	Bộ	4	
126 7	Máy khởi động	Cái	4	
126 8	Công tắc giới hạn	Cái	4	
126 9	Khóa cửa khoang động cơ	Cái	4	

127 0	Công tắc đèn phanh	Cái	4	
127 1	Máy phát điện	Cái	4	
127 2	Còi	Cái	4	
127 3	Lọc tách dầu-nước.	Cái	16	
127 4	Lọc nhớt máy	Cái	16	
127 5	Bầu lọc khí thô	Cái	10	
127 6	Chổi gạt nước	Cái	10	
127 7	Bầu lọc tinh nhiên liệu	Cái	16	
127 8	Bầu lọc thô nhiên liệu	Cái	16	
127 9	Răng gầu	Cái	10	
128 0	Cầu chì 30A	Cái	10	
128 1	Chốt răng gầu	Cái	30	
128 2	Cầu chì 5A	Cái	10	
128 3	Bu lông M16×110	Cái	30	
128 4	Bu lông M20×100	Cái	30	
128 5	Cầu chì 20A	Cái	10	
128 6	Bầu lọc khí tinh	Cái	8	
128 7	Cầu chì 10A	Cái	10	
128 8	Còi	Cái	5	
128 9	Rơ le khởi động	Cái	4	
129 0	Cảm biến nhiệt độ dầu thủy lực	Cái	4	
129 1	Cảm biến mực nước	Cái	4	

129 2	Đai ốc M24	Cái	40	
129 3	Cảm biến mức nhiên liệu	Cái	4	
129 4	Đèn cảnh báo quay	Cái	4	
129 5	Tuy ô thủy lực gầu	Sợi	7	
129 6	Tuy ô thủy lực gầu	Sợi	7	
129 7	Phớt chắn bụi xi lanh gầu	Bộ	10	
129 8	Phớt chắn bụi xi lanh gầu	Bộ	11	
129 9	Phớt xi lanh nâng cần	Bộ	10	
130 0	Gioăng nắp thùng dầu thủy lực	Cái	10	
130 1	Gioăng đáy thùng dầu thủy lực	Cái	10	
130 2	Lọc khí thùng dầu thủy lực	Cái	10	
130 3	Máy phát điện	Cái	4	
130 4	Máy khởi động	Cái	4	
130 5	Cảm biến tốc độ	Cái	4	
130 6	Đèn cảnh báo	Cái	4	
130 7	Máy phát điện	Cái	4	
130 8	Lọc khí thùng nhiên liệu	Cái	7	
130 9	Công tắc dừng khẩn cấp	Cái	4	
131 0	Bơm trợ lực lái	Cái	4	
131 1	Lõi lọc dầu thủy lực	Cái	10	
131 2	Máy khởi động	Cái	4	
131 3	Cảm biến nhiên liệu	Cái	10	

131 4	Phốt dầu	Cái	20	
131 5	Lọc nhiên liệu	Cái	20	
131 6	Cảm biến áp suất	Cái	5	
131 7	Bu lông trống phanh	Cái	20	
131 8	Phốt dầu chống phanh	Cái	8	
131 9	Lọc gió thùng dầu thủy lực	Cái	10	
132 0	Cảm biến nhiệt độ nước	Cái	8	
132 1	Lọc tách nước - dầu Diezen	Cái	10	
132 2	Bộ kính máy lu	Bộ	4	
132 3	Động cơ nguyên cái tổng thành (Không bao gồm hộp số và ly hợp)	Cụm	2	
132 4	Lọc nhiên liệu	Cái	20	
132 5	Đai ốc	Cái	20	
132 6	Van đổi hướng	Cái	5	
132 7	Đèn kết hợp phía trước	Cái	5	
132 8	Còi	Cái	5	
132 9	Đèn hậu kết hợp	Cái	5	
133 0	Bơm tay nâng hạ	Cái	5	
133 1	Cảm biến áp suất dầu động cơ	Cái	5	
133 2	Chốt lái	Cái	20	
133 3	Van khóa thủy lực kép	Cái	5	
133 4	Bơm trợ lực lái	Cái	5	
133 5	Đai ốc M16	Cái	40	

133 6	Van đa đường bên trái	Cái	5	
133 7	Xy lanh nâng càng sau	Cái	5	
133 8	Phanh tay	Cái	5	
133 9	Lọc nhiên liệu	Cái	20	
134 0	Lọc dầu thủy lực	Cái	10	
134 1	Cảm biến áp suất dầu	Cái	5	
134 2	Bu lông M16 × 55	Cái	45	
134 3	Vòng bi côn (hệ thống lái)	Cái	6	
134 4	Lọc dầu hộp số	Cái	30	
134 5	Cảm biến nhiệt độ nước	Cái	5	
134 6	Vòng bi chốt lái	Cái	5	
134 7	Xi lanh tay lái bánh trước	Cái	6	
134 8	Lọc thông hơi thùng nhiên liệu	Cái	5	
134 9	Tay lái trái (Cam quay trái)	Cái	5	
135 0	Van cân bằng	Cái	5	
135 1	Lọc dầu động cơ	Cái	5	
135 2	Van phanh (bàn đạp phanh)	Cái	5	
135 3	Tay lái bên phải (Cam bên phải)	Cái	5	
135 4	Cảm biến áp suất phanh	Cái	5	
135 5	Bu lông bánh xe	Cái	15	
135 6	Bộ vành răng	Bộ	2	
135 7	Trục truyền động	Cái	5	

135 8	Bộ lọc không khí	Bộ	20	
135 9	Xy lanh nghiêng lưỡi gạt	Cái	3	
136 0	Xy lanh phải nâng lưỡi gạt	Cái	3	
136 1	Xy lanh trái nâng lưỡi gạt	Cái	3	
136 2	Xy lanh đổi góc lưỡi gạt bên phải	Cái	3	
136 3	Xy lanh chính lưỡi gạt	Cái	3	
136 4	Xy lanh đổi góc lưỡi gạt bên trái	Cái	3	
136 5	Lưỡi gạt bên phải	Cái	3	
136 6	Lưỡi gạt bên trái	Cái	3	
136 7	Lưỡi gạt giữa	Cái	6	
136 8	Lốp sảm yếm 17.5-25 dùng cho xe máy gạt	Bộ	3	
136 9	Két làm mát Xe ben tự đổ 10m3 (Model: EQZX101)	Bộ	3	
137 0	Két gió làm mát Xe ben tự đổ 14m3 (Model: EQZX301)	Cái	5	
137 1	Két nước làm mát Xe ben tự đổ 14m3 (Model: EQZX301)	Cái	5	
137 2	Két gió làm mát Xe tải 5 tấn (Model: EQDWZ301)	Cái	2	
137 3	Két gió làm mát Xe cầu 8 tấn (Model: EQNWD8T)	Cái	3	
137 4	Két gió làm mát Xe cầu 16 tấn (Model: XND16)	Cái	2	
137 5	Két nước làm mát Xe cầu 16 tấn (Model: XND16)	Cái	2	
137 6	Két làm mát dầu thủy lực Xe cầu 16 tấn (Model: XND16)	Bộ	2	
137 7	Puly xe JEEP CTV-1 (4x4)	C3914494	Bộ	70
137 8	Phanh (bao gồm má phanh và đĩa phanh) xe JEEP CTV-1 (4x4)	35C21-01046 35C21-01036	Bộ	70

137 9	Bánh ty điều chỉnh dây Curoa xe JEEP CTV-1 (4x4)	C3937553	Bộ	50
138 0	Dây Curoa xe JEEP CTV-1 (4x4)	C4938436	Chiếc	100
138 1	Đĩa ly hợp xe JEEP CTV-1 (4x4)	1601C21-130	Chiếc	07
138 2	Cụm May-ơ (đầy đủ bi, phốt) và trục truyền lực cạnh cầu sau xe JEEP CTV-1 (4x4)	2405C21-020 2403C21-010	Bộ	05
138 3	Bu lông bánh xe (Tắc kê) xe JEEP CTV-1 (4x4)	31C21-03051	Bộ	64
138 4	Cụm May-ơ (đầy đủ bi, phốt) xe cầu 8T	C2403C21-010A	Bộ	02
138 5	Bảng đồng hồ điều khiển xe cầu 1.6T	3801060-0912- CH-B	Bộ	05
138 6	Đĩa ly hợp xe ben tự đổ 14m3	1601ZB1T-130	Bộ	13
138 7	Đĩa ly hợp xe ben tự đổ 10m3	C3968254	Bộ	06
138 8	Van giảm áp hơi cho xe đầu kéo 55T		Bộ	20
138 9	Vệt lên xuống đồng bộ với lò xo hồi vị (1 rơ mooc gồm 2 tấm vệt trái, phải) Rơ mooc sàn thấp 20T, 40T		Bộ	04
139 0	Bi chữ thập trục các đăng xe tải 15T		Bộ	08
139 1	Ổ bi đỡ trục các đăng (Ổ bi côn) máy xúc bánh lốp 0.58m3	4T30208	Bộ	10
139 2	Bộ kính chắn gió (phía trước, sau, các ô cửa sổ) Cabin cho xe xúc lật hạng nặng, bao gồm cả gioăng	Máy xúc lật hạng nặng nhãn hiệu XNZ300	Bộ	02
139 3	Kính chắn gió phía trước	252910804	Chiếc	02
139 4	Kính trước bên phải	252910812	Chiếc	02
139 5	Kính cửa sổ phải	251809978	Chiếc	02
139 6	Kính sau phải	252910810	Chiếc	02
139 7	Kính chắn gió phía sau	252910811	Chiếc	02

139 8	Kính sau trái	252910813	Chiếc	02
139 9	Kính trên cửa trái	251809975	Chiếc	02
140 0	Kính trái dưới	251809988	Chiếc	02
140 1	Kính trước bên trái	252910806	Chiếc	02
140 2	Bộ kính chắn gió (phía trước, sau, các ô cửa sổ) Cabin cho xe xúc lật hạng trung, bao gồm cả gioăng	Máy xúc lật hạng trung nhãn hiệu XNZ180	Bộ	04
140 3	Kính chắn gió phía trước	252910804	Chiếc	04
140 4	Kính trước bên phải	252910812	Chiếc	04
140 5	Kính trước bên trái	252910806	Chiếc	04
140 6	Kính cửa sổ bên phải	251809978	Chiếc	04
140 7	Kính sau bên phải	252910810	Chiếc	04
140 8	Kính sau bên trái	252910813	Chiếc	04
140 9	Kính chắn gió phía sau	252910811	Chiếc	04
141 0	Kính trên cửa bên trái	251809975	Chiếc	04
141 1	Kính dưới cửa bên trái	251809988	Chiếc	04
141 2	Bộ kính chắn gió (phía trước, sau, các ô cửa sổ) Cabin cho máy xúc bánh lốp 0,58m³, bao gồm cả gioăng	Máy xúc bánh lốp 0.58m ³ nhãn hiệu XNW58W	Bộ	02
141 3	Kính bên trái	802138347	Chiếc	02
141 4	Kính trước dưới	802130357	Chiếc	02
141 5	Kính chắn gió phía sau	802138591	Chiếc	02
141 6	Kính sau trái	802138348	Chiếc	02

141 7	Kính cửa dưới	802138592	Chiếc	02
141 8	Bộ kính chắn gió (phía trước, sau, các ô cửa sổ) Cabin cho máy hút hạng nặng, bao gồm cả gioăng	Máy hút hạng nặng nhãn hiệu XNT202	Bộ	02
141 9	Cửa kính bên trái	16Y-56E-00003	Chiếc	02
142 0	Gioăng kính	16Y-56E-04000	Chiếc	02
142 1	Cửa kính bên phải	16Y-56E-00006	Chiếc	02
142 2	Kính mặt trước	16Y-56E-00002	Chiếc	02
142 3	Gioăng kính	16Y-56E-09000	Chiếc	02
142 4	Bộ kính chắn gió (phía trước, sau, các ô cửa sổ) Cabin cho máy xúc bánh xích 1,4m3, bao gồm cả gioăng	Máy xúc bánh xích 1,4m3 nhãn hiệu XNW14T	Bộ	04
142 5	Cửa sổ	802149222	Chiếc	04
142 6	Kính bên trái	802149184	Chiếc	04
142 7	Kính cửa sổ trần carbin	802103361	Chiếc	04
142 8	Kính chắn gió phía sau	802138591	Chiếc	04
142 9	Kính phía sau bên trái	802152806	Chiếc	04
143 0	Kính	802152886	Chiếc	04
143 1	Bộ kính chắn gió (phía trước, sau, các ô cửa sổ) Cabin cho máy hút hạng nhẹ	Máy hút hạng nhẹ nhãn hiệu XNT101	Bộ	02
143 2	Gioăng kính	116-56-09000	Chiếc	02
143 3	Kính chắn gió trước	116-56-00002	Chiếc	02
143 4	Gioăng kính	116-56-10000	Chiếc	02

143 5	Kính chắn gió sau	116-56-00006	Chiếc	02
143 6	Gioăng kính	116-56-04000	Chiếc	02
143 7	Kính cửa bên trái	116-56-00001	Chiếc	02
143 8	Bộ kính chắn gió (phía trước, sau, các ô cửa sổ) Cabin cho máy hút hạng trung, bao gồm cả gioăng	Máy xúc nhãn hiệu XNT201	Bộ	02
143 9	Kính cửa sổ bên trái	10Y-56B-05000	Chiếc	02
144 0	Kính cửa sổ bên phải	10Y-56B-04000	Chiếc	02
144 1	Gioăng kính	10Y-56B-13000	Chiếc	02
144 2	Kính chắn gió sau	10Y-56B-00015	Chiếc	02
144 3	Gioăng kính	10Y-56B-10000	Chiếc	02
144 4	Kính chắn gió trước	10Y-56B-00003	Chiếc	02
144 5	Gioăng kính	10Y-56B-07000	Chiếc	02
144 6	Bộ kính chắn gió (phía trước, sau, các ô cửa sổ) Cabin cho máy lu rung 10T, bao gồm cả gioăng	Máy lu rung 10T nhãn hiệu XNY103H	Bộ	04
144 7	Kính trước	226802486	Chiếc	04
144 8	Kính trước bên phải	226802493	Chiếc	04
144 9	Kính trước bên trái	226802494	Chiếc	04
145 0	Kính sau	228303775	Chiếc	04
145 1	Kính sau bên phải	228303776	Chiếc	04
145 2	Kính sau bên trái	228303774	Chiếc	04
145 3	Kính cửa cố định bên phải	226802489	Chiếc	04

145 4	Kính cửa dưới bên phải	226802498	Chiếc	04
145 5	Kính cửa di động bên phải	226803403	Chiếc	04
145 6	Kính cửa cố định bên trái	226802490	Chiếc	04
145 7	Kính cửa dưới bên trái	226802499	Chiếc	04
145 8	Kính cửa di động bên trái	226803402	Chiếc	04
145 9	Bộ kính chắn gió (phía trước, sau, các ô cửa sổ) xe bus 22 chỗ, bao gồm cả gioăng	Xe bus 22 chỗ nhãn hiệu EQVK201M	Bộ	02
146 0	Kính chắn gió phía trước	5206019-Z1100	Chiếc	02
146 1	Gioăng kính chắn gió phía trước	5206015-Z1100	Chiếc	02
146 2	Kính chắn gió phía sau	5623018-Z1100	Chiếc	02
146 3	Gioăng kính chắn gió phía sau	JT-04826	Chiếc	02
146 4	Kính cửa ghế lái và gioăng	6103010-Z1101/ 6107014-Z1100	Chiếc	02
146 5	Kính cửa ghế lái trung tâm	6103009-Z1100	Chiếc	02
146 6	Kính cửa ghế lái phụ phía trên và gioăng	6103010-Z1101/ 6107014-Z1100	Chiếc	02
146 7	Kính cửa ghế lái phụ trung tâm	6103010-Z1100	Chiếc	02
146 8	Kính cửa góc ghế phụ	6103010-Z1102	Chiếc	02
146 9	Bộ kính chắn gió các ô cửa sổ xe bus 22 chỗ, bao gồm cả gioăng	Xe bus 22 chỗ nhãn hiệu EQVK201M	Bộ	02
147 0	Kính cửa hành khách	6503011-Z1100	Chiếc	02
147 1	Cửa sổ thứ nhất bên phải	5423031-Z0845	Chiếc	02
147 2	Cửa sổ thứ hai bên phải	5423032-Z0840	Chiếc	02

147 3	Cửa sổ thứ ba bên phải	5423033-Z1194	Chiếc	02
147 4	Cửa sổ thứ tư bên phải	5423034-Z1160	Chiếc	02
147 5	Cửa sổ thứ nhất bên trái	5423041-Z1112	Chiếc	02
147 6	Cửa sổ thứ hai bên trái	5423042-Z1388	Chiếc	02
147 7	Cửa sổ thứ ba bên trái	5423043-Z1194	Chiếc	02
147 8	Cửa sổ thứ tư bên trái	5423044-Z1160	Chiếc	02
147 9	Bộ kính chắn gió (phía trước, sau, các ô cửa sổ) xe Chỉ huy Jeep 4x4 CTV-1, bao gồm cả gioăng	Xe chỉ huy nhãn hiệu CTV-1	Bộ	07
148 0	Cửa phía trước bên trái với phụ kiện và kính	61C24-00109 61C37-00109	Chiếc	07
148 1	Cửa phía trước bên phải với phụ kiện và kính	61C24-00110 61C37-00110	Chiếc	07
148 2	Cửa phía sau bên trái với phụ kiện và kính	62C24-00109 62C37-00109	Chiếc	07
148 3	Cửa phía sau bên phải với phụ kiện và kính	62C24-00110 62C37-00110	Chiếc	07
148 4	Cửa sổ phía trước bên trái	61C22-03009	Chiếc	07
148 5	Cửa sổ phía trước bên phải	61C22-03010	Chiếc	07
148 6	Cửa sổ phía sau bên trái	56C24-02029	Chiếc	07
148 7	Cửa sổ phía sau bên phải	56C24-02030	Chiếc	07
148 8	Bộ kính chắn gió (các ô cửa sổ) xe đông lạnh, bao gồm cả gioăng	Xe đông lạnh nhãn hiệu NWL101	Bộ	02
148 9	Kính cửa sổ phía sau	5603019-C0100	Chiếc	02
149 0	Cửa kính bên trái	6103009-C0100	Chiếc	02

149 1	Cửa kính bên phải	610310-C0200	Chiếc	02
149 2	Bộ kính chắn gió (các ô cửa sổ) xe ben tự đổ 14m3, bao gồm cả gioăng	Xe ben tự đổ 14m3 nhãn hiệu EQZX301	Bộ	11
149 3	Kính cửa bên phải	6103010-C0100	Chiếc	11
149 4	Kính cửa bên trái	6103009-C0100	Chiếc	11
149 5	Kính cửa phía sau	5603019-C0100	Chiếc	11
149 6	Bộ kính chắn gió (các ô cửa sổ) xe ben tự đổ 10m3	Xe ben tự đổ 10m3 nhãn hiệu EQZX101	Bộ	06
149 7	Kính cửa bên phải	6103010-C0100	Chiếc	06
149 8	Kính cửa bên trái	6103009-C0100	Chiếc	06
149 9	Kính cửa phía sau	5603019-C0100	Chiếc	06
150 0	VẬT TƯ KHÁC			
150 1	Mô tơ quay kính cho các xe	TG163B-000001-G00	Bộ	30
150 2	Gioăng kính các loại		Mét	300
150 3	Keo gắn gioăng kính		Lọ	50
150 4	Xe Chỉ huy Jeep 4x4 CTV-1			
150 5	Buli căng đai	CC3937553	Bộ	4
150 6	Buli trục khủy	CC3914494	Bộ	4
150 7	Dây curoa	CC3288757	Cái	14
150 8	Buli quạt	CC3914459	Bộ	14
150 9	Bu lông mặt bích (lục giác)	CQ1841025-0F7	Cái	70

151 0	Đĩa phanh	C3502385J- C45C00	Cái	28
151 1	Van (Rơ le)	V3-20-1	Chiếc	12
151 2	Vòng đệm (long đèn)	C3101K5-058	Chiếc	12
151 3	Lốp 37x12.5-R16.5	C3106C24-010D	Cái	8
151 4	XE CÁC LOẠI			
151 5	Xe Chỉ huy Jeep 4x4 CTV-1			
151 6	Lốp 37x12.5-R16.5	C3106C24-010D	Cái	4
151 7	Cụm má phanh	C35C21-01046B	Cụm	56
151 8	Trục lái hoặc trục truyền động-trước - trái	C2303C21-010A	Bộ	1
151 9	Trục lái hoặc trục truyền động phải-trước	C2303C21-020A	Bộ	1
152 0	Trục lái hoặc trục truyền động-trục sau	C2403C21-010A	Bộ	2
152 1	Láp nối ổ khớp trên	C2937C21-001	Cái	4
152 2	Láp nối ổ khớp dưới	C2937C21-002	Cái	4
152 3	Cụm Ống cao su gắn trục (trước và trục chéo tay)	C29C21-25050	Cụm	8
152 4	Cụm Ống cao su gắn trục (trước và trục chéo tay trên)	C2925118J- C48C00	Cụm	8
152 5	Cụm nắp ly hợp và nắp áp suất	C1601C21-090A	Cụm	4
152 6	Vòng bi dẫn động ly hợp	C1601C21-130A	Chiếc	4
152 7	Vòng bi nhả ly hợp và cụm ổ trục	C16C21-02050C	Chiếc	4
152 8	Xe BTR-152 và cứu thương			
152 9	Bộ nguồn chuyển đổi cho Camera DC24V-DC12V		Bộ	4

153 0	Bộ dây tín hiệu cho Camera đồng bộ theo Bộ chuyển đổi nguồn		Bộ	4
153 1	Máy khởi động 24V, 5KW		Chiếc	4
153 2	Máy nén khí		Chiếc	4
153 3	Gương chiếu hậu (Bao gồm cả giá đỡ)		Chiếc	16
153 4	Ly hợp		Bộ	4
153 5	Hệ thống bơm lốp tự động		Bộ	12
153 6	Dây cáp lửa bình điện		Bộ	4
153 7	Dây cáp mát bình điện		Bộ	4
153 8	Xe bảo dưỡng nhà xưởng, xe bảo dưỡng di động hạng trung, xe hút bể phốt (URAL -U32007-41)			
153 9	Dây cáp lửa bình điện (loại dây 16x1 mm)		Cái	12
154 0	Dây cáp mát bình điện (loại dây 16x1 mm)		Cái	12
154 1	Dây đai động cơ (Bộ 3 loại danh điểm 6PU 86-Bx43n)	6PU 86-Bx43n	Bộ	6
154 2	Đĩa ly hợp (đường kính 430mm)		Bộ	6
154 3	Củ gạt mưa		Bộ	6
154 4	Chổi và cần gạt mưa		Bộ	12
154 5	Máy nén khí		Cái	6
154 6	Bơm trợ lực lái		Cái	6
154 7	Gương chiếu hậu		Bộ	10
154 8	Máy hàn điện tử Hồng Ký (đồng bộ trên thùng xe bảo dưỡng di động hạng trung)		Cái	1

c) Phương án phân loại, đóng gói để phục vụ vận chuyển bằng đường biển, đường bộ đến phái bộ GGHB LHQ tại Abyei:

- Số lượng công – ten nơ: 20 công
- Số lượng thùng hàng trong 1 công – ten – nơ: 10 thùng

d) Kế hoạch thực hiện và lộ trình tuyến đường

- Phân loại đóng gói hàng hóa tại Cục Giữ gìn hòa bình Việt Nam.
- Nâng hàng, vận chuyển từ Cục GGHB Việt Nam đến cảng Hải Phòng.
- Tuyến đường vận chuyển từ Cục GGHB Việt Nam đến cảng Hải Phòng: Đại lộ Thăng Long, Đường vành đai 3 trên cao; Cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, Cảng Hải Phòng.
- Vận chuyển từ Hải Phòng đến Abyei: theo tuyến đường như sau:
 - + Từ Cảng Hải Phòng đến Cảng Mombasa (Kenya).
 - + Từ Cảng Mombasa (Kenya) đến Juba (Nam Xu-đăng).
 - + Từ Juba đến Abyei.

4. Yêu cầu khác:

- Nhà thầu phải cam kết bố trí phương tiện, nhân lực phù hợp, đảm bảo vận chuyển an toàn trong suốt quá trình thực hiện.
- Chào đầy đủ các loại phí làm thủ tục hải quan, nhận hàng, kiểm tra, xếp hàng, chằng buộc, vận chuyển, dỡ hàng, đưa đến nơi tiếp nhận và tập kết trong kho.
- Tài liệu chứng minh về công việc thực hiện:
 - + Các hồ sơ tài liệu chứng minh các nội dung công việc ở mục 3, phần này.
 - + Biên bản giao nhận hàng hóa từ phía người giao hoặc cửa khẩu, hoặc cảng biển để vận chuyển.
 - + Biên bản bàn giao hàng hóa nguyên đai, nguyên kiện, nguyên trạng nơi dỡ hàng.